|  |  |
| --- | --- |
| HĐND TỈNH KON TUM **BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Báo cáo số 91/BC-BKTNS ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách)*

**---------------**

Tại Kỳ họp thứ 2Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Ban Kinh tế - Ngân sách được phân công thẩm tra 32 dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án. Cụ thể như sau:

| **TT** | **Các dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án trình Kỳ họp thứ 2, HĐND tỉnh Khóa XII** | **Kiến nghị, đề xuất của Ban KT-NS qua thẩm tra** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 396/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2021** | **Ý kiến của Ban KTNS về nội dung tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Báo cáo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022** | Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với những phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề ra. Bên cạnh đó, để tăng cường hiệu quả Ban đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo một số nhiệm vụ sau:  - Thực hiện công khai các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013, nhất là công khai các hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí sau khi cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý.  - Tăng cường phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định, tạo sự chủ động, linh hoạt, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương theo định hướng của Trung ương và Nghị quyết của HĐND tỉnh; rà soát, ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung, chuyên dùng, thiết bị chuyên dùng đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế, hiệu quả, tiết kiệm.  - Tăng cường, nâng cao hiệu quả trong công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về THTK, CLP đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, tiền, tài sản công, tài nguyên thiên nhiên và các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước. Kiên quyết xử lý theo đúng quy định pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân cố tình vi phạm, gây lãng phí...  - Nghiên cứu, xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí dài hạn của tỉnh sau khi Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho giai đoạn mới.  - Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị địa phương chủ động xây dựng và thực hiện Chương trình, Kế hoạch THTK, CLP năm 2022 đảm bảo theo quy định.  - Chỉ đạo rà soát, tổng hợp số liệu về việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016 - 2021, báo cáo đánh giá theo đề nghị của Đoàn giám sát Quốc hội. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, ngay sau kỳ họp này UBND tỉnh sẽ có văn bản chỉ đạo các sở ngành và UBND các huyện, Thanh phố triển khai thực hiện. | Thống nhất |
|  |  | \* Đề nghị báo cáo giải trình làm rõ một số nội dung sau:  - Theo báo cáo của UBND tỉnh, năm 2021, toàn tỉnh đã triển khai 113 cuộc thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, tại Phụ lục 6 - Bảng tiêu chí đánh giá kết quả THTK, CLP trong chi thường xuyên năm 2021, “mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra” được UBND tỉnh xác định chỉ đạt 1/3 so với các kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đề nghị báo cáo làm rõ nguyên nhân mức độ thực hiện Kế hoạch đạt thấp, trong khi kết quả thực hiện nêu tại báo cáo đạt cao.  - Báo cáo thêm việc khắc phục những tồn tại trong Báo cáo thẩm tra năm 2020 của Ban KT-NS. | Do sơ xuất trong quá trình tổng hợp, cập nhật bổ sung số liệu báo cáo đến 30/10/2021 theo Thông báo số 35/TB-TTHĐND ngày 05/11/2021 của Thường trực HĐND tỉnh nên chưa cập nhật đánh giá bổ sung chấm điểm tiết kiệm chi thường xuyên đối với “Tiêu chí thành phần - Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra”. UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị chủ trì bổ sung lại phụ lục này trước kỳ họp.  Về nội dung báo cáo thêm việc khắc phục những tồn tại trong Báo cáo thẩm tra năm 2020 của Ban KT-NS, UBND tỉnh có báo cáo riêng về kết quả thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh và các nội dung UBND tỉnh tiếp thu tại Kỳ họp thứ nhất, HĐND tỉnh khóa XII | Thống nhất |
|  | **Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2021 và Phương hướng, nhiệm vụ năm 2022** | Qua nghiên cứu, Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với những đánh giá về kết quả thực hiện, tồn tại hạn chế và phương hướng, giải pháp Ủy ban nhân dân tỉnh đặt ra nhằm khắc phục những hạn chế trong năm 2021 và thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ môi trường năm 2022. Bên cạnh đó, Ban đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo một số nhiệm vụ trọng tâm sau:  - Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Tập trung rà soát, tham mưu trình cấp thẩm quyền ban hành các chính sách, các quy định trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đảm bảo hoàn thiện, thống nhất và đồng bộ để chỉ đạo, tổ chức thực hiện.  - Tăng cường công tác tuyên tuyền phổ biến đến các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn những quy định mới của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; nhất là việc tuyên truyền người dân tích cực thực hiện hiệu quả tiêu chí môi trường thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.  - Chỉ đạo rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện các giải pháp đã đề ra qua các năm, xử lý triệt để những tồn tại, hạn chế, không để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường kéo dài.  - Trong tình hình ngân sách địa phương còn nhiều khó khăn, cần tăng cường theo dõi, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường một cách hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo chi đúng mục tiêu.  - Huy động các nguồn lực từ Trung ương, nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện có hiệu quả công tác môi trường trên địa bàn tỉnh.  - Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động đối với các dự án đầu tư, các đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh có khả năng gây ô nhiễm cao, các cơ sở có quy mô xả thải lớn; triển khai xây dựng Đề án mạng lưới quan trắc môi trường; thực hiện các dự án điều tra, thống kê xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  - Tăng cường hợp tác quốc tế với các nước, các tổ chức quốc tế. Xây dựng các dự án nghiên cứu khoa học có sự đầu tư của các tổ chức trong nước và quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học… Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế để học hỏi, tận dụng các kinh nghiệm, sự trợ giúp của bạn bè quốc tế trong sự nghiệp bảo vệ môi trường của tỉnh.  - Nghiên cứu giải pháp đồng bộ trong công tác xử lý chất thải, nhất là khâu xử lý chất thải sinh hoạt đang là vấn đề quan tâm tại một số huyện. Tổ chức việc phân loại rác thải tại nguồn; chất thải nguy hại phải được thu gom, xử lý riêng theo đúng quy định; khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại xử lý chất thải thành nguyên liệu, nhiên liệu, các sản phẩm thân thiện môi trường, xử lý chất thải kết hợp với thu hồi năng lượng... hạn chế tối đa việc chôn lấp trực tiếp chất thải. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai các nội dung theo đề nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh *(Công văn số 4040/VP-NNTN ngày 01/12/2021)* | Thống nhất |
|  | **Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022** | Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với các nội dung định hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công năm 2021 và các năm tiếp theo. Đồng thời đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:  - Nâng cao chất lượng công tác quản lý công sản theo hướng chuyên nghiệp, chỉ đạo rà soát, cập nhật thông tin về tài sản công, đặc biệt là tài sản kết cấu hạ tầng *(tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, tài sản vô hình,…)* để phản ánh đầy đủ, chính xác tổng tài sản của tỉnh. Thường xuyên cập nhật báo cáo, kê khai biến động tài sản kịp thời vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.  - Tăng cường khai thác nguồn lực tài chính từ kết cấu hạ tầng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn; tổ chức thực hiện đầu tư, bảo trì, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng bảo đảm công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật([[1]](#footnote-1)).  - Triệt để tiết kiệm trong đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước và các trang thiết bị chưa thực sự cần thiết. Tổ chức thực hiện phương án sắp xếp lại tài sản công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quản lý chặt chẽ việc sử dụng tài sản công.  - Thực hiện nghiêm Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành. Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. | Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện trong thời gian tới. | Thống nhất |
|  | **Báo cáo Tài chính nhà nước năm 2020 tỉnh Kon Tum** | Qua nghiên cứu, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy Báo cáo Tài chính nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2020 được lập trên cơ sở quy định của Luật Kế toán năm 2015([[2]](#footnote-2)), [Luật Ngân sách nhà nước](https://luatvietnam.vn/tai-chinh/luat-ngan-sach-nha-nuoc-2015-96260-d1.html) năm 2015, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương([[3]](#footnote-3)) và kết quả thực hiện các chỉ tiêu về tài chính năm 2020. Báo cáo đã cơ bản phản ánh được tình hình tài chính, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và việc lưu chuyển tiền tệ năm 2020 của tỉnh. Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với các nội dung báo cáo; đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo:  - Rà soát, điều chỉnh số liệu về kết quả hoạt động tài chính nhà nước *(làm tròn):* Tổng chi phí của tỉnh năm 2020 là 7.280 tỷ đồng; kết quả thặng dư trong năm 2020 là 1.305 tỷ đồng cho phù hợp.  - Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; hướng dẫn, giám sát công tác hạch toán kế toán tài chính, đặc biệt ở cấp xã, đảm bảo hạch toán, phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác số liệu tài chính ở mỗi cấp ngân sách, giúp cho công tác theo dõi, tổng hợp, báo cáo theo đúng quy định.  - Đẩy mạnh việc giao dịch, hoạt động, sử dụng dịch vụ công trực tuyến qua hệ thống Tài chính, Kho bạc nhà nước đúng quy định.  - Rà soát, cập nhật thông tin về tài sản công, đặc biệt là tài sản kết cấu hạ tầng *(tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, tài sản vô hình…)* để phản ánh đầy đủ, chính xác tổng tài sản của tỉnh. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện trong thời gian tới. | Thống nhất |
|  | **Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2021 và kế hoạch tài chính năm 2022 các quỹ ngoài ngân sách địa phương** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với các nội dung Báo cáo số 365/BC-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và quan tâm chỉ đạo thêm một số nội dung sau:  - Một số Quỹ có nguồn tài chính lớn nhưng giải ngân trong năm đạt thấp, còn tồn quỹ lớn([[4]](#footnote-4)) như: Quỹ bảo vệ và phát triển rừng 85.100 triệu đồng, Quỹ Đầu tư phát triển 183.194 triệu đồng, Quỹ hỗ trợ nông dân 10.390 triệu đồng,…  - Tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của các Quỹ, chấn chỉnh kịp thời các sai phạm *(nếu có)*; kiện toàn bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động; đổi mới cơ chế quản lý và điều hành quỹ đảm bảo minh bạch, hiệu quả. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của các Quỹ, chấn chỉnh kịp thời các sai phạm *(nếu có)*; kiện toàn bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động; đổi mới cơ chế quản lý và điều hành quỹ đảm bảo minh bạch, hiệu quả. Đồng thời báo cáo làm rõ một số nội dung như sau:  - Căn cứ Nghị định 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương có hiệu lực từ tháng 02 năm 2021, trong đó cho phép mở rộng pham vi hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển nên trong tháng 12 năm 2021 và những tháng đầu năm 2022, dự kiến triển khai cho vay một số dự án đang triển khai 68 tỷ đồng[[5]](#footnote-5)*.* Khoản còn lại sẽ tiếp tục cho vay trong năm 2022 và các năm tiếp theo.  - Đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng trong năm còn tồn 85,1 tỷ đồng, trong đó đang xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đối với nguồn còn dư năm 2011-2012 còn tồn là 66,9 tỷ đồng để hỗ trợ cho công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh, sẽ giải ngân khi có ý kiến thống nhất của Thủ tướng Chính phủ; nguồn trồng rừng thay thế là 14,3 tỷ để hỗ trợ công tác chăm sóc rừng cho diện tích trồng rừng thay thế, còn lại 3,9 tỷ là vốn khác của Quỹ.  - Qua rà soát, số liệu của Quỹ Hỗ trợ nông dân số dư 10.390 Triệu đồng, Quỹ đang thực hiện cho vay trong tháng 12 năm 2021 và tháng 01 năm 2022. | Thống nhất |
|  | **Báo cáo** **Kế hoạch Tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm (2022-2024)** | Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, giải trình làm rõ một số nội dung sau:  - Theo báo cáo của UBND tỉnh, căn cứ mục tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 đạt trên 5.000.000 triệu đồng theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI; từ đó xây dựng kế hoạch tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum từng năm như sau: Năm 2022 là 3.600.000 triệu đồng; năm 2023 là 3.772.000 triệu đồng và đến năm 2024 là 4.128.000 triệu đồng. Tuy nhiên, theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI đề ra “Thu ngân sách Nhà nước tại địa bàn tăng bình quân 8,2%/năm và đến năm 2025 đạt khoảng 5.000 tỷ đồng”. Đề nghị tính toán, xác định dự kiến số thu, chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn từng năm cho phù hợp.  - Đề nghị rà soát, điều chỉnh số liệu khớp đúng với số liệu trong các báo cáo, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính ngân sách,... | Căn cứ mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI, thu ngân sách Nhà nước tại địa bàn tăng bình quân 8,2%/năm và đạt trên 5.000 tỷ đồng vào năm 2025. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh tính toán và dự kiến xây dựng phương án thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo lộ trình của năm 2022 là 3.600 tỷ đồng. Tuy nhiên, để đảm bảo mục tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 8,2%/năm theo Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, điều chỉnh số thu NSNN trên địa bàn năm 2022 là **4.000 tỷ đồng** và các năm tiếp theo cho phù hợp.  Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, trong đó tại Khoản 1 Điều 14 quy định: Trước ngày 31/3 hàng năm, UBND cấp tỉnh chỉ đạo cập nhật, bổ sung số liệu và báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, tổng hợp, xác định các trần chi ngân sách nhà nước cho thời gian 03 năm kế hoạch mới.  Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo rà soát, điều chỉnh số liệu khớp đúng với số liệu trong các báo cáo, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính ngân sách,... | Thống nhất |
|  | **Báo cáo về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Dự thảo Nghị quyết về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2022** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản tán thành với các nhiệm vụ, giải pháp điều hành thu, chi ngân sách năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Để tiếp tục tăng cường công tác quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2022, phấn đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu, chi ngân sách, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XVI đề ra. Bên cạnh những nhiệm vụ, giải pháp mà Ủy ban nhân dân tỉnh nêu tại Tờ trình, Ban đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo một số nội dung cụ thể sau:  - Tiếp tục chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, nhất là xây dựng kế hoạch dài hạn để nuôi dưỡng và tạo nguồn thu, khai thác hiệu quả các nguồn thu bền vững trên địa bàn.  - Chỉ đạo các ngành, địa phương phối hợp với cơ quan thuế mình tăng cường công tác quản lý thu, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thuế chống thất thu, trốn thuế; quản lý chặt chẽ công tác hoàn thuế, đảm bảo hoàn thuế đúng đối tượng và chế độ hiện hành, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp trốn, gian lận thuế, chây ỳ trong thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt các giải pháp khai thác nguồn thu, chống thất thu trong lĩnh vực đất đai, hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản, hoạt động xăng dầu, kinh doanh bất động sản, hoạt động xây dựng cơ bản vãng lai, vận tải hàng hóa; giữ ổn định mức nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu NSNN trên địa bàn; đôn đốc thu nộp NSNN các khoản theo kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán nhà nước theo quy định.  - Chỉ đạo các đơn vị dự toán, các cấp ngân sách tổ chức điều hành chi ngân sách theo tiến độ thu và dự toán được giao; quản lý chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm hiệu quả đúng định mức, chế độ quy định; giảm chi chuyển nguồn sang năm sau. Kịp thời giải quyết tốt các chế độ chính sách an sinh xã hội phát sinh, chế độ đối với người có công, người lao động; chủ động sử dụng nguồn ngân sách địa phương để thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai và dịch bệnh.  - Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát chi, kiên quyết không giải ngân, kiểm tra quyết toán, không quyết toán những khoản chi không đúng chế độ, chính sách, không có trong dự toán. Đối với nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu, phải được thực hiện và quyết toán đúng yêu cầu về thời gian.  - Chỉ đạo rà soát, kiểm tra việc điều hành ngân sách và xử lý các khoản thu chi ngân sách cuối năm, nhất là ở cấp huyện, chấn chỉnh việc sử dụng các nguồn kinh phí có tính chất lương, chi thường xuyên khác để bố trí đầu tư, mua sắm([[6]](#footnote-6)). Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, triển khai các gói hỗ trợ của Chính phủ, hỗ trợ kịp thời các đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.  - Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 theo đúng yêu cầu của Đoàn giám sát của Quốc hội. | Tiếp thu ý kiến của ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ tiếp tục có văn bản chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển ngay sau kỳ họp thứ 2 HĐND tỉnh. | Thống nhất |
|  |  | **\* Một số nội dung đề xuất, kiến nghị**  Trên cơ sở ý kiến tham gia thảo luận của các đại biểu tại cuộc họp thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:  - Đề nghị báo cáo làm rõ việc xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn 3.600.000 triệu đồng([[7]](#footnote-7)) có đảm bảo tỷ lệ tăng bình quân năm và thu ngân sách đến năm 2025 đạt theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra.  - Đề nghị giao dự toán thu chi ngân sách địa phương đảm bảo chi tiết theo từng lĩnh vực, cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách; nội dung, nhiệm vụ chi theo chế độ, định mức và dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.  - Chỉ đạo rà soát, cập nhật, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách đảm bảo phù hợp với số liệu dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao, Nghị quyết Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đảm bảo số liệu phân bổ dự toán bám sát theo nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi từng cấp ngân sách, khớp đúng giữa dự toán thu, chi và các nội dung liên quan đến kế hoạch đầu tư công trong năm 2022*.*  - Biên tập, Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. | Căn cứ mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI, thu ngân sách Nhà nước tại địa bàn tăng bình quân 8,2%/năm và đạt trên 5.000 tỷ đồng vào năm 2025. Trên cơ sở Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 03/12/2021 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2022 và ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh báo cáo rõ như sau:  Để đảm bảo mục tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 8,2%/năm theo Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành liên quan rà soát, tính toán và điều chỉnh chỉ tiêu Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt **4.000 tỷ đồng**.  Tiếp thu ý kiến của ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan tham mưu giao dự toán thu chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;đồng thờirà soát, cập nhật, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách đảm bảo phù hợp với số liệu dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao, Nghị quyết Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đảm bảo số liệu phân bổ dự toán bám sát theo nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi từng cấp ngân sách, khớp đúng giữa dự toán thu, chi và các nội dung liên quan đến kế hoạch đầu tư công trong năm 2022.  Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo quy định. | Thống nhất |
|  | **Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020; Dự thảo Nghị quyết về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương và phân bổ kết dư ngân sách tỉnh năm 2020** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 và phương án phân bổ kết dư ngân sách tỉnh năm 2020 như đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 208/TTr-UBND ngày 16/11/2021. Đề nghị UBND tỉnh tiếp thu, giải trình làm rõ một số nội dung sau:  - Thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về bảng biểu quyết toán, tính chính xác và khớp đúng giữa các bảng biểu liên quan.  -Kiểm tra, rà soát chỉnh lý số liệu quyết toán NSĐP năm 2020 sau thời điểm kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020; chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công theo đề nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XII([[8]](#footnote-8)). | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính đã rà soát các bảng biểu quyết toán, đảm bảo tính chính xác và khớp đúng giữa các bảng biểu liên quan.  Theo đề nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020: ***“Đề nghị UBND tỉnh khi trình HĐND tỉnh Báo cáo quyết toán chính thức, nếu có thay đổi về số liệu thì báo cáo về Kiểm toán Nhà nước, kèm theo giải trình về số liệu thay đổi”.*** Sau khi HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính tham mưu báo cáo giải trình nguyên nhân về thay đổi số liệu gửi Kiểm toán Nhà nước theo quy định.  - Vềchấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công theo đề nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XII: UBND tỉnh đã có Văn bản số 2609/UBND-KTTH ngày 28/7/2021 yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chấn chỉnh đối với các hạn chế, sai sót trong công tác quản lý, điều hành thu, chi ngân sách; thực hiện đầy đủ các kiến nghị Kiểm toán Nhà nước đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán | Thống nhất |
|  | **Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Dự thảo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022** | **Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022**  Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh đã cơ bản đánh giá được những hạn chế, khuyết điểm([[9]](#footnote-9)) và nguyên nhân, những giải pháp cần tiếp tục tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ. Tuy nhiên, qua công tác giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy nổi lên một số vấn đề. Cụ thể như sau:   1. Giải ngân vốn đầu tư công của một số dự án còn chậm([[10]](#footnote-10)). Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn, vướng mắc, kéo dài, làm chậm tiến độ thực hiện các dự án đầu tư([[11]](#footnote-11)); Công tác tham mưu phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công cho một số dự án chưa sát với nhu cầu và khả năng thực hiện([[12]](#footnote-12)).   Việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, sản xuất kinh doanh tại các khu, cụm công nghiệp còn nhiều hạn chế. Các chính sách về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chính sách hỗ trợ đầu tư, phát triển dược liệu gắn với chế biến, tiêu thụ dược liệu chưa phát huy hiệu quả; chưa gắn kết với các nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình, dự án được đầu tư trên địa bàn([[13]](#footnote-13)).   1. Sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn, mặc dù dịch bệnh trong chăn nuôi đã được kiểm soát([[14]](#footnote-14)), nhưng nhìn chung tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi chưa được xử lý triệt để([[15]](#footnote-15)), hàng hóa nông sản tiêu thụ chậm,...   Việc duy trì và giữ vững một số tiêu chí nông thôn mới đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn([[16]](#footnote-16)); một số xã xây dựng nông thôn mới nâng cao đang gặp vướng mắc khi thực hiện tiêu chí môi trường *(phải có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung)*([[17]](#footnote-17)). Bên cạnh đó, việc hỗ trợ phát triển sản xuất *(hỗ trợ giống bò cái lai sinh sản)* cho một số hộ dân tộc thiểu số chưa đạt được hiệu quả([[18]](#footnote-18)).  Số lượng Hợp tác xã, Tổ hợp tác thành lập mới, số lượng thành viên tham gia đạt chỉ tiêu đề ra, tuy nhiên hoạt động cầm chừng, hiệu quả chưa cao, chưa tạo thành cầu nối gắn kết giữa người dân và doanh nghiệp trên địa bàn, nhất là các Hợp tác xã nông nghiệp.   1. Công tác đào tạo nghề chưa đáp ứng nhu cầu thị trường. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhất là ngành nông nghiệp còn hạn chế. Tình trạng buôn bán, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, nhất là sản phẩm từ Sâm Ngọc Linh còn phức tạp, khó kiểm soát. 2. Việc tổ chức dạy học theo hình thức tự học có hướng dẫn tại khu dân cư còn gặp nhiều khó khăn, công tác tổ chức dạy học trực tuyến chưa đồng bộ.Các hoạt động triển khai về an toàn, vệ sinh lao động, hỗ trợ người lao động đi làm việc tại nước ngoài, dạy nghề cho lao động nông thôn khó thực hiện; công tác bảo vệ, giáo dục trẻ em có mặt còn hạn chế, nhất là gia tăng tình trạng trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em bị xâm hại. các hoạt động trong lĩnh vực du lịch hầu như không hoạt động hoặc cầm chừng, số lượng du khách giảm mạnh([[19]](#footnote-19)). 3. Tình trạng vi phạm pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và trật tự đô thị còn diễn ra nhưng chưa được xử lý dứt điểm; Tình trạng vi phạm Luật Lâm nghiệp còn diễn biến phức tạp tại một số địa phương như: Tu Mơ Rông, Kon Plông.   Công tác đấu tranh với các loại tội phạm, trật tự an toàn xã hội có lúc, có nơi hiệu quả chưa cao; một số loại tội phạm gia tăng so với cùng kỳ([[20]](#footnote-20)). | Qua rà soát, về cơ bản các hạn chế, khuyết điểm được Ban Kinh tế - Ngân sách chỉ ra đã được UBND tỉnh nêu trong Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 *(tại Báo cáo số 382/BC-UBND ngày 26/11/2021)*. Đối với các nội dung chưa có trong phần đánh giá hạn chế, khuyết điểm tại báo cáo nêu trên, tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị có liên quan đề xuất các giải pháp nhằm sớm khắc phục trong thời gian tới. | Thống nhất |
|  |  | Đối với chỉ tiêu Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 3.600 tỷ đồng, đề nghị chỉ đạo rà soát, tính toán, để đảm bảo tỷ lệ tăng 8,2%/năm theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI([[21]](#footnote-21)). | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh chỉ tiêu Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt **4.000 tỷ đồng** (*tăng 400 tỷ đồng so với dự kiến ban đầu*). | Thống nhất |
|  |  | Theo đánh giá về tình hình kinh tế-xã hội năm 2021 còn gặp nhiều khó khăn, nhưng tại phần II phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 mục tiêu trồng mới Sâm Ngọc Linh 500 ha, các cây dược liệu khác trồng mới 2.000 ha trong điều kiện khó khăn về cây giống để trồng([[22]](#footnote-22)); trồng mới trên 3.955 ha rừng,.. đề nghị cơ quan trình tiếp thu, làm rõ các cơ sở về nguồn lực, giống, diện tích đất trống để có giải pháp phấn đấu đạt những chỉ tiêu nêu trên,... | Trên cơ sở Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 03/12/2021 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2022 và ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh báo cáo rõ như sau:  Để đảm bảo hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh[[23]](#footnote-23) và trên cơ sở dự kiến kết quả thực hiện năm 2021, UBND tỉnh xây dựng mục tiêu trong năm 2022 là trồng mới Sâm Ngọc Linh **500 ha,** các cây dược liệu khác trồng mới **2.000 ha**; trồng mới trên **4.000 ha rừng**.  Để đạt được mục tiêu nêu trên, hiện nay UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chính sách tổng thể nông nghiệp nông thôn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025, có tính đến năm 2030, trong đó có chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dược liệu, cây ăn quả, chăn nuôi, hỗ trợ trồng rừng và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm. Dự kiến các chính sách sẽ được triển khai từ năm 2022; hỗ trợ các địa phương triển khai thực hiện chính sách đến từng người dân sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, trong năm 2022, UBND tỉnh sẽ ban hành Đề án về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển nuôi trồng thuỷ sản gắn với khai thác, bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản giai đoạn 2021-2030 và định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Đề án đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Phương án thụ tinh nhân tạo đàn bò để làm cơ sở triển khai thực hiện tại các địa phương. Đồng thời, triển khai thực hiện thí điểm Chuỗi liên kết từ khâu trồng, thu hoạch, chế biến và phân phối dược liệu (Trồng Đảng sâm xen trong vườn cà phê chè) tại các huyện Tu Mơ Rông, Kon Plông và Đăk Glei để làm cơ sở nhân rộng mô hình liên kết trồng dược liệu.  Về quỹ đất trồng rừng: Hiện nay, qua rà soát kết quả theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh đến hết năm 2020 có khoảng 171.000 ha quỹ đất trống lâm nghiệp. Năm 2021, toàn tỉnh trồng được **4.798 ha rừng,** như vậy quỹ đất còn lại đảm bảo thực hiện chỉ tiêu trồng rừng đến năm 2025.  Về nguồn lực thực hiện: Sau khi Tỉnh ủy, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao chi tiết kế hoạch đến từng địa phương, đồng thời, chỉ đạo các địa phương huy động và lồng ghép các nguồn lực để đảm bảo hoàn thành kế hoạch. Trong quá trình triển khai, UBND tỉnh sẽ rà soát, trình cấp có thẩm quyền hỗ trợ một phần kinh phí để các địa phương thực hiện tương tự như năm 2021 (Năm 2021, phân bổ 11,184 tỷ đồng để hỗ trợ kinh phí trồng rừng cho các địa phương tại Quyết định 284/QĐ-UBND, ngày 09/4/2021). | Thống nhất |
|  |  | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 như đã nêu trong Báo cáo và dự thảo Nghị quyết; đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo khắc phục một số tồn tại, khó khăn, vướng mắc đã nêu tại mục 2.I Báo cáo này và quan tâm một số nhiệm vụ, giải pháp sau:  - Tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế-xã hội, vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Cơ cấu lại các ngành kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, gắn với phát triển các ngành, lĩnh vực; có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, tham gia chuỗi giá trị. Tổ chức kết nối và hỗ trợ các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia.  - Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn năm 2021-2030 cấp huyện và Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh.  - Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, phân bổ và đẩy mạnh giải ngân vốn hiệu quả đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng, các chương trình mục tiêu quốc gia. Xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhất là về giao thông, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn,... Lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư xã hội. Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, khu kinh tế và phát triển đô thị, kinh tế đô thị.  - Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính-ngân sách nhà nước, phấn đấu tăng thu, triệt để tiết kiệm chi. Huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội và ưu tiên bố trí nguồn NSNN hợp lý cho các nhiệm vụ trọng tâm. Tăng cường công tác quản lý thu, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thuế chống thất thu, trốn thuế; khai thác tốt nguồn thu, chống thất thu trong lĩnh vực đất đai, hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản, hoạt động xăng dầu, kinh doanh bất động sản, hoạt động xây dựng cơ bản vãng lai, vận tải hàng hóa; phấn đấu giảm nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu NSNN trên địa bàn;  - Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên và môi trường, huy động và sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực từ đất đai, tài nguyên, tăng cường phát triển quỹ đất, tạo vốn cho đầu tư phát triển; chú trọng bảo vệ, phát triển các loại rừng, đẩy mạnh trồng mới rừng theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra.  - Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, xử lý có hiệu quả các điểm nóng vi phạm Luật Lâm nghiệp. Đồng thời, tiếp tục triển khai có hiệu quả việc trồng, chăm sóc rừng và cây phân tán trên địa bàn.  - Tăng cường kiểm soát dịch bệnh, nhất là việc xử lý dứt điểm bệnh khảm lá virus gây hại trên sắn; khẩn trương, quyết liệt thực hiện các gói hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đã ban hành. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới phát triển giáo dục đến năm 2025, đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy và học trực tuyến, quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo nghề, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Chú trọng thực hiện chính sách người có công, bảo trợ xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, tạo việc làm, giảm nghèo đa chiều, bền vững; gia tăng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, nhất là bảo hiểm tự nguyện.  - Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, nhất là các thông tin về phòng, chống dịch và phục hồi, phát triển kinh tế-xã hội, những mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương người tốt, việc tốt. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững”.  - Ưu tiên công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật, tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư gắn với tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, ách tắc trong đầu tư, kinh doanh. Nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật.  - Làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật những vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ khi phát sinh, nhất là những vụ khiếu kiện đông người liên quan đến đất đai, tài nguyên, môi trường...  *-* Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả quả theo đúng tiến độ, lộ trình đề ra. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, thực hiện tốt các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch([[24]](#footnote-24)). | Về cơ bản, các nhiệm vụ, giải pháp do Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị quan tâm là phù hợp với tình hình thực tế và đã có lồng ghép một số nội dung trong các giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2022 (*tại Báo cáo số 382/BC-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh*). Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 03/12/2021 của Tỉnh ủy và tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh hoàn thiện các nhiệm vụ, giải pháp trong năm 2022 như sau:  **1. Về kinh tế**  - Đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Linh hoạt, sáng tạo trong việc thực hiện quy hoạch để nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư.  - Thực hiện tốt thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, nuôi dưỡng nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nguồn thu mới, đảm bảo thu đúng, thu đủ. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo nhà thầu đẩy mạnh thi công xây dựng công trình, kịp thời xử lý dứt điểm những tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, nhất là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định canh, tái định cư, công tác đấu thầu… Phấn đấu năm 2022 giải ngân vốn đầu tư công đạt 100%.  - Chủ động tổ chức triển khai có hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 25-11-2021 của Tỉnh ủy “về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030”. Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi ruộng đất ở những khu vực phân tán, dồn điền đổi thửa (những nơi có điều kiện); nâng cao hệ số sử dụng đất và hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích. Phát triển mô hình trồng dược liệu dưới tán rừng; tổ chức thí điểm trồng Sâm Ngọc Linh dưới tán rừng đặc dụng nếu được Trung ương thống nhất.  - Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai sản xuất vụ mùa năm 2022 theo đúng thời vụ; cung cấp đủ giống đảm bảo nguồn gốc, chất lượng, phấn đấu thực hiện hoàn thành mục tiêu trồng mới một số cây chủ lực của tỉnh trong năm 2022 như: Cây ăn quả; cây Mắc Ca, Sâm Ngọc Linh và các dược liệu khác.... Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xây dựng sản phẩm OCOP đạt chuẩn.  - Thực hiện tốt Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 25-11-2021 của Tỉnh ủy “về phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum”. Tăng cường huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện tốt chỉ tiêu về phát triển rừng. Nghiên cứu, cụ thể hóa các quy định của pháp luật để xây dựng cơ chế, chính sách lâm nghiệp đặc thù theo quy định của pháp luật theo hướng khuyến khích hình thành hệ thống quản lý rừng cộng đồng; sử dụng hợp lý một phần đất lâm nghiệp không có rừng để bố trí đất sản xuất cho người dân, góp phần ổn định đời sống gắn với bảo vệ, phát triển rừng lâu dài. Triển khai quyết liệt các giải pháp ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng, tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; kịp thời phát hiện và xử lý dứt điểm các vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp.  - Tiếp tục đầu tư phát triển hoàn thiện cơ sở hạ tầng tại các khu, cụm công nghiệp hiện có và đầu tư mới các khu, cụm công nghiệp tại các địa bàn thuận lợi, nhất là Khu công nghiệp tại huyện Đăk Tô, các cụm công nghiệp tại huyện Đăk Hà và thành phố Kon Tum để tiếp tục thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư.  - Tăng cường thu hút đầu tư; trọng tâm là kêu gọi, thu hút đầu tư các nhà máy chế biến: Gỗ, trái cây, sâm Ngọc Linh và dược liệu khác, sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp...; thu hút đầu tư các dự án năng lượng tái tạo, các dự án khu đô thị-thương mại-dịch vụ tại thành phố Kon Tum và thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông.  - Đẩy mạnh việc thực hiện các giải pháp về chuyển đổi số, trong đó tập trung xây dựng Chính quyền số để quản lý, định hướng, hỗ trợ kinh tế số, xã hội số phát triển.  - Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và tăng cường thu hút đầu tư trên địa bàn. Trọng tâm là thực hiện các giải pháp cải thiện các chỉ số của tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dự án của các nhà đầu tư chiến lược như: Tập đoàn FLC, Tập đoàn TH, Tập đoàn Alphanam, Tập đoàn Đức Long Gia Lai… Chuyển từ tinh thần **đồng hành** cùng nhà đầu tư sang tinh thần **chủ động** tiếp xúc, kêu gọi, làm việc với nhà đầu tư để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, rút ngắn tối đa thời gian chuẩn bị một dự án đầu tư nhằm thu hút, triển khai các dự án trên địa bàn.  **2. Về văn hoá-xã hội**  - Đẩy mạnh triển khai các giải pháp tổ chức dạy học an toàn, bảo đảm chương trình và mục tiêu chất lượng giáo dục, đào tạo phù hợp với điều kiện dịch bệnh COVID-19. Đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút các nguồn lực đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo; chú trọng công tác khuyến học và xây dựng xã hội học tập.  - Tập trung phát triển và có giải pháp mở rộng, phân luồng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu việc làm; đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo nghề theo hướng tăng nội dung thực hành, gắn kết chặt chẽ hơn với doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường.  - Triển khai thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19, nhất là Nghị quyết số 128/NQ-CP, ngày 11-10-2021 của Chỉnh phủ *“về ban hành Quy định tạm thời thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”*. Chủ động đề nghị Bộ Y tế sớm phân bổ vắc xin phòng COVID-19 để tiêm phòng và nâng cao tỷ lệ người dân được tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 cho người dân trên địa bàn tỉnh. Nâng cao hơn nữa chất lượng khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn, phát huy có hiệu quả các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh tư nhân trong việc chăm sóc sức khỏe Nhân dân.  - Thực hiện tốt công tác đầu tư mới, tôn tạo, nâng cấp các thiết chế văn hóa, các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh, nhất là đầu tư Trung tâm văn hóa tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Ngục Kon Tum; tôn tạo, nâng cấp Di tích Căn cứ Tỉnh ủy, Di tích lịch sử Chiến thắng Đăk Tô-Tân Cảnh.... Chú trọng công tác phục hồi, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.  - Xây dựng và triển khai có hiệu quả Đề án phát triển du lịch tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng, phát triển các môn thể thao chuyên nghiệp, thành tích cao mà tỉnh có thế mạnh.  -Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công; bảo trợ xã hội; giảm nghèo và các chính sách an sinh xã hội. Triển khai kịp thời, đồng bộ và hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách dân tộc, nhất là hỗ trợ định canh, định cư, đất ở, đất sản xuất, nhà ở đối với hộ dân tộc thiểu số và hộ nghèo.  **3. Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại**  - Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh và giữ gìn trật tự xã hội. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh; công tác tuyển quân. Tập trung đấu tranh trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra, xử lý các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp. Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác đối ngoại phù hợp với diễn biến tình hình dịch bệnh COVID-19.  - Thực hiện kiên quyết và đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật những vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ khi phát sinh, nhất là những vụ khiếu kiện đông người liên quan đến đất đai, tài nguyên, môi trường... | Thống nhất |
|  |  | **Về dự thảo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022**  Đề nghị UBND tỉnh trên cơ sở Nghị quyết của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2022 để hoàn chỉnh Nghị quyết của HĐND tỉnh, trong đó, chỉ đạo rà soát, cập nhật bổ sung các chỉ tiêu về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 đảm bảo phù hợp với mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 và các chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các Nghị quyết khác có liên quan. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ cập nhật nội dung của Nghị quyết Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2022 để hoàn chỉnh Nghị quyết của HĐND tỉnh, trong đó, chỉ đạo rà soát, cập nhật bổ sung các chỉ tiêu về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 đảm bảo phù hợp với mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 và các chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các Nghị quyết khác có liên quan. | Thống nhất |
|  |  | Đề nghị UBND tỉnh làm rõ số liệu diện tích Sâm Ngọc Linh nêu tại điểm đ Khoản 1 Mục I Phần I Báo cáo số 382/BC-UBND *(diện tích cây sâm Ngọc Linh trồng mới là 333,5ha)*, khác so với số liệu nêu tại Phụ lục số 01 kèm theo Báo cáo số 382/BC-UBND *(diện tích cây sâm Ngọc Linh trồng mới là 250ha)*. | Về số liệu trồng mới Sâm Ngọc Linh: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách và đã rà soát, điều chỉnh thống nhất số liệu diện tích trồng mới Sâm Ngọc Linh năm 2021 là **333,5 ha.** | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết về kế hoạch vay, trả nợ công năm 2022** | Ban cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị quyết tại Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2021. Đồng thời đề nghị UBND Tỉnh chỉ đạo biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo quy định. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum là đô thị loại II** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với Đề án phân loại Thành phố Kon Tum là đô thị loại II là phù hợp. Ban đề nghị UBND tỉnh tiếp thu, giải trình làm rõ một số nội dung sau:  - Biên tập lại tên gọi dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị. | Theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, UBND thành phố Kon Tum có trách nhiệm lập đề án phân loại đô thị làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền thẩm định, công nhận loại đô thị.  Trong xuyên suốt quá trình lập, triển khai lấy ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, các sở ngành của tỉnh, các phòng ban của thành phố và Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố, tên gọi duy nhất của Đề án là *“Đề án đề nghị công nhận thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum là đô thị loại II”.* Đồng thời, tên gọi của Đề án là phù hợp với tinh thần nâng loại đô thị tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13.  Mặt khác, qua tham khảo các địa phương khác, HĐND các tỉnh khi thông qua Đề án cũng có tên gọi tương tự.  Để tránh sự xáo trộn, hiểu nhầm về tên của Đề án, UBND tỉnh đề nghị Ban Kinh tế - Ngân sách xem xét báo cáo, tham mưu HĐND tỉnh thống nhất theo tên gọi Đề án là *“Đề án đề nghị công nhận thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum là đô thị loại II”.*  Tên gọi dự thảo Nghị quyết sau khi tiếp thu, chỉnh sửa: điều chỉnh từ *“Nghị quyết về Đề án đề nghị công nhận thành phố Kon Tum là đô thị loại II”* thành *“Nghị quyết thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum là đô thị loại II”.* | Thống nhất |
|  |  | - Chỉ đạo UBND Thành phố Kon Tum phối hợp với các cơ quan chức năng tiếp tục rà soát, kiểm tra số liệu, nội dung, cập nhật bổ sung hoàn thiện Đề án. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo UBND thành phố Kon Tum phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan rà soát, cập nhật số liệu, nội dung, bổ sung hoàn thiện Đề án khi trình thẩm định, công nhận loại đô thị. | Thống nhất |
|  |  | - Một số tiêu chuẩn trong các tiêu chí phân loại đô thị loại II của thành phố Kon Tum có tỷ lệ đạt còn thấp([[25]](#footnote-25)), đề nghị chỉ đạo UBND thành phố Kon Tum tiếp tục xây dựng lộ trình, phấn đấu thực hiện hoàn thành các tiêu chuẩn đánh giá phân loại đô thị; có giải pháp phù hợp huy động các nguồn lực và tổ chức thực hiện phấn đấu đạt được các mục tiêu đề ra. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo UBND thành phố Kon Tum triển khai thực hiện. | Thống nhất |
|  |  | - Rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo quy định. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về thông qua Đề án phát triển các vùng kinh tế động lực tỉnh Kon Tum tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030** | Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 217/TTr-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu một số nội dung như sau:  - Rà soát, bổ sung các văn bản của trung ương, địa phương vào căn cứ xây dựng Đề án.  - Tại gạch (-) đầu dòng thứ 4 (Trang 32) tiết 1.3.4 điểm 1.3 khoản 1 Mục II Phần II dự thảo Đề án, đề nghị biên tập giải pháp cho phù hợp với mục tiêu phát triển các vùng động lực của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm2030.  - Đề nghị báo cáo làm rõ thêm về những biện pháp cụ thể nhằm khắc phục các tồn tại hạn chế trong giai đoạn vừa qua, như: Tỷ lệ phủ kín các đồ án quy hoạch chi tiết là rất thấp; công tác thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt chưa đảm bảo; ngoài Khu công nghiệp Hòa Bình (giai đoạn 1), các cụm công nghiệp khác chỉ dừng lại ở mức độ sắp xếp, bố trí lại các ngành nghề có khả năng gây ô nhiễm trong khu dân cư, nhất là hệ thống xử lý môi trường chưa được đầu tư hoàn thiện; tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp không cao; Công tác thu hút đầu tư còn có mặt chưa hiệu quả, nhất là thu hút nguồn lực đầu tư vào cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... *(các dự án của nhà đầu tư còn chậm, nhiều nhà đầu tư chỉ dừng lại ở việc đăng ký, chọn địa điểm và khảo sát lập dự án)*;... | Tiếp thu ý kiến của ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo rà soát, bổ sung các văn bản của trung ương, địa phương vào căn cứ xây dựng Đề án; đồng thời loại bỏ giải pháp thu hút đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y huyện Ngọc Hồi và bổ sung các giải pháp nhằm khắc phục các tồn tại hạn chế trong giai đoạn vừa qua và biên tập lại giải pháp trong Đề án cho phù hợp. | Thống nhất |
|  |  | - Ngoài những giải pháp đã đề cập tại Đề án, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo quyết liệt và đưa ra các giải pháp, biện pháp cụ thể nhằm khắc phục các tồn tại hạn chế, khuyết điểm mà thành phố Kon Tum và huyện Kon Plông thực hiện trong giai đoạn 2007-2020. Đồng thời các địa phương cần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; tận dụng tối đa nguồn lực hỗ trợ từ tỉnh, phát huy tiềm năng du lịch ở Kon Plong; thu hút nhà đầu tư cần chọn lọc những doanh nghiệp có năng lực; có chính sách hỗ trợ phù hợp, ưu tiên các vị trí đất đai thuận lợi; tăng cường tiếp thị quảng bá tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư hiệu quả, nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao, nhất là tại huyện Kon Plông. Đối với thành phố Kon Tum, cần có giải pháp nuôi dưỡng các nguồn thu, phát triển vùng nguyên liệu bền vững, đào tạo nguồn nhân lực; bên cạnh đó, địa phương cần quan tâm hơn về công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị. | Tiếp thu ý kiến của ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo UBND thành phố Kon Tum và huyện Kon Plông có những giải pháp, biện pháp cụ thể nhằm khắc phục các tồn tại hạn chế, khuyết điểm mà thành phố Kon Tum và huyện Kon Plông thực hiện trong giai đoạn 2007-2020 và bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp theo ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách[[26]](#footnote-26) vào Đề án của đơn vị để triển khai thực hiện | Thống nhất |
|  |  | - Dự kiến tổng nhu cầu nguồn lực thực hiện đầu tư trên địa bàn vùng kinh tế động lực giai đoạn 2021-2025 khoảng 77.025 tỷ đồng([[27]](#footnote-27)). Đề nghị phân tích rõ khả năng huy động nguồn vốn, giải pháp lộ trình cụ thể. | - Về khả năng huy động nguồn vốn: Tại tiết 1.3.4 điểm 1.3 khoản 1 Mục II Phần II dự thảo Đề án đã thể hiện các giải pháp huy động nguồn lực.  - Về giải pháp lộ trình cụ thể:  + Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước, đã được cơ quan chủ trì xây dựng Đề án (Sở Kế hoạch và Đầu tư) tổng hợp theo Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021; Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum. Trên cơ sở đó, hằng năm UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh phân bổ nguồn vốn để triển khai thực hiện.  + Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách: trên cơ sở các danh mục dự án được thu hút đầu tư giai đoạn 2021-2025, tỉnh sẽ chỉ đạo các địa phương vùng động lực tăng cường kêu gọi, thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để các dự án sớm được triển khai thực hiện, nhất là các tập đoàn lớn có tiềm lực; đặc biệt là đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư và tập trung nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm; tăng cường tuyên truyền, quảng bá thu hút các nhà đầu tư bằng nhiều hình thức trong đó chú trọng xây dựng bản đồ số về các dự án thu hút đầu tư. | Thống nhất |
|  |  | - Biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo quy định. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Tôn tạo, phục hồi, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử cách mạng khu Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Tôn tạo, phục hồi, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử cách mạng khu Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum như đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 213/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình làm rõ một số nội dung sau:  - Đề nghị rà soát các hạng mục đầu tư trên tinh thần phục dựng nguyên hiện trạng, đảm bảo các yếu tố lịch sử, cắt giảm một số hạng mục chưa thật sự cần thiết đầu tư trong dự án này *(như: đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật,...)*. | Tiếp thu ý kiến của ban Kinh tế-Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư dự án, UBND tỉnh đã rà soát hoàn thiện lại quy mô đầu tư và tổng mức đầu tư dự án như sau:  **a) Quy mô đầu tư:**  - Tôn tạo, phục hồi, sửa chữa các hạng mục đã xuống cấp tại khu di tích như: Chòi nghỉ; Nhà trưng bày + quản lý; Hệ thống điện,…  - Đầu tư xây dựng mới Nhà bia, Nhà tưởng niệm và các hạng mục cấp thiết khác.  **b) Tổng mức đầu tư:** Khoảng 15.300 triệu đồng.  Trong quá trình lập, phê duyệt đầu tư và triển khai thực hiện dự án, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo chủ đầu tư nghiên cứu sử dụng nguyên vật liệu phù hợp để tôn tạo, phục dụng các hạng, đảm bảo yếu tố lịch sử và độ bền của công trình theo đúng chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. | Thống nhất |
|  |  | - Đề nghị xem xét điều chỉnh “Tiến độ thực hiện dự án” cho phù hợp với ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy([[28]](#footnote-28)) kịp thời đẩy nhanh tiến độ trong việc tôn tạo, phục hồi, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử cách mạng khu Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum; đồng thời, huy động các nguồn vốn xã hội hóa, lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện dự án. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư dự án, UBND tỉnh điều chỉnh lại thời gian thực hiện dự án từ “03 năm” thành **“02 năm”** và tiến độ thực hiện dự án từ “Sau năm 2023” thành **“Từ năm 2022”**. | Thống nhất |
|  |  | - Để phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và đảm bảo điều kiện triển khai, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối đề xuất bổ sung kế hoạch vốn thực hiện dự án Tôn tạo, phục hồi, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử cách mạng khu Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn ngân sách địa phương tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. | Trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 26-10-2021 thì dự án Tôn tạo, phục hồi, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử cách mạng khu Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum được bố trí 150 triệu đồng để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư. Nếu được cấp có thẩm quyền thống nhất chủ trương đầu tư; trong quá trình triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, BCSĐ UBND tỉnh sẽ lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí vốn để thực hiện dự án khi cân đối nguồn vốn.  Đồng thời, trong hồ sơ trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án lần này, sẽ bổ sung tại Điều 2 tại Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh nội dung “*Bổ sung kế hoạch vốn thực hiện dự án Tôn tạo, phục hồi, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử cách mạng khu Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã ban hành tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 26-10-2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh*” để làm cơ sở bố trí vốn sớm triển khai thực hiện dự án | Thống nhất |
|  |  | - Trong giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, đề nghị chủ đầu tư tiến hành đánh giá hiện trạng công trình đã được đầu tư trước đây, xác định những hạng mục cần thiết phải xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo; rà soát, tính toán tổng mức đầu tư cho phù hợp. Chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình hoàn thiện các trình tự thủ tục và triển khai thực hiện dự án, nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, chất lượng, hiệu quả của công trình sau khi hoàn thành, tránh nợ đọng xây dựng cơ bản. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo chủ đầu tư trong giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án tiến hành đánh giá hiện trạng công trình đã được đầu tư trước đây, xác định những hạng mục cần thiết phải xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo; rà soát, tính toán tổng mức đầu tư cho phù hợp. Chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình hoàn thiện các trình tự thủ tục và triển khai thực hiện dự án, nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, chất lượng, hiệu quả của công trình sau khi hoàn thành, tránh nợ đọng xây dựng cơ bản. | Thống nhất |
|  |  | - Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã hoàn thiện hồ sơ và báo cáo BCSĐ UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về chủ trương đầu tư dự án tại Tờ trình số 667-TTr/BCSĐ ngày 30/11/2021. | Thống nhất |
|  |  | - Biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Chuyển đổi, triển khai hệ thống mạng, bảo mật internet IPv6 và hệ thống phân giải tên miền DNSSEC tỉnh Kon Tum** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Chuyển đổi, triển khai hệ thống mạng, bảo mật internet IPv6 và hệ thống phân giải tên miền DNSSEC tỉnh Kon Tum như đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 215/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021. Đề nghị UBND tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:  - Kỳ họp này, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư 02 dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin([[29]](#footnote-29)). Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xác định tính cấp bách, cần thiết của dự án và khả năng cân đối ngân sách để xác định tiến độ thực hiện dự án và phân kỳ đầu tư cho phù hợp. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã rà soát tính cấp thiết của các dự án và điều chỉnh lại tiến độ thực hiện dự án “từ năm 2023” thành **“Sau năm 2023”**. Sau khi dự án được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư và hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định, UBND tỉnh sẽ tham mưu HĐND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn triển khai thực hiện dự án phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương theo quy định | Thống nhất |
|  |  | - Trong giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, đề nghị chủ đầu tư tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng, sự cần thiết để đầu tư; rà soát, tính toán tổng mức đầu tư cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm, tránh sự đầu tư trùng lắp. Chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình hoàn thiện các trình tự thủ tục và triển khai thực hiện dự án, nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, chất lượng, hiệu quả của công trình sau khi hoàn thành | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Chủ đầu tư trong giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng, sự cần thiết để đầu tư; rà soát, tính toán tổng mức đầu tư cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm, tránh sự đầu tư trùng lắp. Chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình hoàn thiện các trình tự thủ tục và triển khai thực hiện dự án, nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, chất lượng, hiệu quả của công trình sau khi hoàn thành | Thống nhất |
|  |  | - Biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Kon Tum** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Kon Tum như đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 214/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021. Đề nghị UBND tỉnh tiếp thu, giải trình làm rõ một số nội dung sau:  - Kỳ họp này, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư 02 dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin([[30]](#footnote-30)). Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xác định tính cấp bách, cần thiết của dự án và khả năng cân đối ngân sách để xác định tiến độ thực hiện dự án và phân kỳ đầu tư cho phù hợp | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã rà soát tính cấp thiết của các dự án và điều chỉnh lại thời gian thực hiện dự án từ “03 năm” thành **“không quá 03 năm”**; tiến độ thực hiện dự án từ “Sau năm 2023” thành **“Từ năm 2023”.** Sau khi dự án được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư và hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định, UBND tỉnh sẽ tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch vốn triển khai thực hiện dự án phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương theo quy định. | Thống nhất |
|  |  | - Chỉ đạo đơn vị chủ đầu tư chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình hoàn thiện trình tự thủ tục và triển khai thực hiện dự án, tránh trùng lắp với các hạng mục đã có và đang triển khai. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Chủ đầu tư chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình hoàn thiện trình tự thủ tục và triển khai thực hiện dự án, tránh trùng lắp với các hạng mục đã có và đang triển khai. Đồng thời, trong giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng, sự cần thiết để đầu tư; rà soát, tính toán tổng mức đầu tư cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm, tránh sự đầu tư trùng lắp. Chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình hoàn thiện các trình tự thủ tục và triển khai thực hiện dự án, nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, chất lượng, hiệu quả của công trình sau khi hoàn thành. | Thống nhất |
|  |  | - Biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công năm 2022** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với Kế hoạch đầu tư ngân sách nhà nước năm 2022 và các giải pháp điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2022 như đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 221/TTr-UBND ngày 24/11/2021. Tuy nhiên, Ban đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình làm rõ một số nội dung sau:  - Rà soát, bổ sung đầy đủ cơ sở pháp lý, thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công của các dự án dự kiến phân bổ vốn thực hiện trong năm 2022; đưa ra khỏi danh mục đầu tư năm 2022 những dự án chưa đảm bảo hồ sơ thủ tục theo quy định của Luật đầu tư công. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã rà soát, bổ sung đầy đủ cơ sở pháp lý, thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công của các dự án dự kiến phân bổ vốn thực hiện trong năm 2022. Do đó, không có dự án chưa đảm bảo hồ sơ thủ tục theo quy định của Luật đầu tư công. | Thống nhất |
|  |  | - Trên cơ sở quy định về phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2025 và dự toán thu ngân sách địa phương năm 2022 *(UBND tỉnh đang trình HĐND tỉnh xem xét tại Kỳ họp thứ 2)*, đề nghị rà soát, dự kiến phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách địa phương năm 2022 đảm bảo quy định và phù hợp với tình hình thực tế | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, trên cơ sở quy định về phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2025 và dự toán thu ngân sách địa phương năm 2022 đang trình HĐND tỉnh xem xét tại Kỳ họp thứ 2, UBND tỉnh đã rà soát, dự kiến phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách địa phương năm 2022 đảm bảo quy định và phù hợp với tình hình thực tế. | Thống nhất |
|  |  | - Chỉ đạo rà soát, cập nhật, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, chủ trương của Tỉnh ủy, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; số liệu khớp đúng, đồng bộ giữa Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 và dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, cập nhật, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, chủ trương của Tỉnh ủy, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; số liệu khớp đúng, đồng bộ giữa Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 và dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 | Thống nhất |
|  |  | - Đề nghị tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị được giao chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị được giao chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | Trên cơ sở các quy định của pháp luật có liên quan, Báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân tỉnh([[31]](#footnote-31)) và ý kiến thảo luận của các đại biểu tại phiên họp thẩm tra. Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với các nội dung dự thảo Nghị quyết; đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung sau:  - Qua nghiên cứu danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022, Ban nhận thấy UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua khoảng **370 dự án/6.596,58 ha** cần thu hồi đất, trong đó bao gồm các dự án do HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư *(theo Khoản 3 Điều 62 Luật đất đai)* và các dự án do UBND tỉnh, HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư*.* Căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 2013([[32]](#footnote-32)), các Nghị định([[33]](#footnote-33)), Thông tư hướng dẫn([[34]](#footnote-34)) thi hành Luật Đất đai, Ban nhận thấy hiện nay Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn chưa có sự đồng bộ, thống nhất, đang được Chính phủ xem xét đề nghị sửa đổi... việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua tất cả danh mục các dự án không thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư có những khó khăn, vướn mắc. Cụ thể:  + Theo quy định, danh mục các dự án cần thu hồi đất do HĐND tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, tuy nhiên, qua báo cáo của UBND tỉnh hiện nay các dự án đang trong quá trình lập thủ tục đầu tư, đo đạc bản đồ địa chính xác định từng loại đất bị ảnh hưởng để tính toán lập phương án bồi thường. Hơn nữa các dự án này sử dụng nguồn vốn đầu tư đã được phân cấp cho HĐND các cấp quyết định.  + Bên cạnh đó, đối với các công trình, dự án mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch. Vì vậy, đối với các dự án không thuộc danh mục dự án do HĐND tỉnh chấp thuận hiện nay chưa khẳng định được việc ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch nên không có cơ sở để HĐND tỉnh thông qua.  Từ những nhận định trên, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị biên tập Điều 1 dự thảo nghị quyết theo hướng Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mụcdự án cần thu hồi đấtdo HĐND tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất. Các dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư còn lại mà phải thu hồi đất: Giao UBND tỉnh rà soát, đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, tổng hợp vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện phê duyệt theo thẩm quyền.  - Rà soát chỉ thông qua danh mụcdự án do HĐND tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.  - Đối với nội dung danh mục các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác, đề nghị rà soát, điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục: các dự án chưa được cấp thẩm quyền ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch; các dự án chuyển mục đích diện tích đất rừng phòng hộ chưa có ý kiến của cơ quan chuyên ngành về diện tích rừng tự nhiên trên diện tích đất chuyển mục đích; các dự án chuyển mục đích diện tích đất lúa nước chưa có vốn và quyết định chủ trương đầu tư theo quy định. | **1. Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022:**  Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát danh mục dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất trong năm 2022 và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch trong tổng số dự án 370 dự án/6.596,58ha đã được Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021, kết quả rà soát như sau: Tổng số dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất trong năm 2022 và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch là **20 dự án/662,7 ha**.  *(Chi tiết tại kèm theo)*  Các dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư còn lại mà phải thu hồi đất: Giao UBND tỉnh rà soát, đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, tổng hợp vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện phê duyệt theo thẩm quyền.  **2. Các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác:**  Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát danh mục dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong tổng số dự án 28 dự án/47,26 ha, đất rừng phòng hộ trong tổng dự án 06 dự án/57,07 ha đã được Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021, kết quả rà soát như sau:  - Tổng diện tích đề nghị trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác là **20 dự án/25,56 ha**. *(Đã bổ sung quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; Đối với nội dung đề nghị ghi vốn thực hiện: căn cứ Quy định tại Điều 1 Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng không yêu cầu phải có văn bản ghi vốn trong năm kế hoạch, chỉ quy định có Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công mà tại thời điểm gửi hồ sơ văn bản đó còn hiệu lực thực hiện, trừ trường hợp không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công)*  - Tổng diện tích đề nghị trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ vào mục đích khác là **24,52 ha/03 dự án**. *(Các dự án không ảnh hưởng đến rừng tự nhiên theo Công văn số 3323/SNN-KH ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ cho trẻ em, giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung sau:  - Điều chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết, biên tập như sau: *“Quy định mức hỗ trợ cho trẻ em, giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.*  - Biên tập khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết:  *“Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đối với các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5; Khoản 1 Điều 8 và Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ “.*  - Biên tập thống nhất đơn vị tính.  - Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyển môn hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo quy định. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh Kon Tum về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết tại Tờ trình số 198/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:  - Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 trình tại Kỳ họp thứ 2 HĐND tỉnh Khóa XII dự kiến điều chỉnh quy hoạch 02 điểm mỏ([[35]](#footnote-35)); loại khỏi quy hoạch 09 điểm mỏ([[36]](#footnote-36)); bổ sung quy hoạch 15 điểm mỏ([[37]](#footnote-37)) *(trong đó có 03 điểm mỏ do Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định).* Ngoại trừ việc trùng lặp các điểm mỏ do Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, đề nghị báo cáo làm rõ nguyên nhân điều chỉnh, loại bỏ khỏi quy hoạch các điểm mỏ. | Trong quá trình thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, có phát sinh một số vấn đề thực tiễn nên các cơ quan, địa phương đã có văn bản đề nghị điều chỉnh, loại bỏ một số điểm mỏ cho phù hợp. Cụ thể như sau:  1. 02 điểm mỏ điều chỉnh quy hoạch  - SHQH 182: điểm mỏ cát xây dựng tại thôn Kon Jo Drei I – Kon Mơ Nay Ktu, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014; tuy nhiên, do công trình Cầu thuộc Tuyến tránh thành phố Kon Tum đi qua điểm mỏ, để đảm bảo an toàn cho công trình cần điều chỉnh tọa độ, diện tích của điểm mỏ này.  - SHQH 68: Điểm mỏ đất san lấp tại **Khối 1**, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014; tuy nhiên, do có sự thay đổi về địa giới hành chính nên điều chỉnh địa danh thành **Khối 2**, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô cho phù hợp.  2. 09 điểm mỏ loại khỏi Quy hoạch  - Loại khỏi quy hoạch 05 điểm mỏ đã được phê duyệt tại Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014:  + SHQH 196: điểm mỏ đá xây dựng tại thôn 4, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum *(mỏ đá Sao Mai, trước đây UBND tỉnh đã cấp phép khai thác khoáng sản cho Công ty TNHH MTV Xuân Thành Gia Lai)*: Tuyến tránh thành phố Kon Tum đi ngang qua khu vực này.  + SHQH 197: điểm mỏ đá xây dựng tại Thôn 2, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum *(trước đây UBND tỉnh đã cấp phép cho Công ty TNHH Hoàng Đạt khai thác)*: Đường trục chính phía Tây thành phố Kon Tum đoạn qua xã Hòa Bình đi qua khu vực này.  + SHQH 161: điểm mỏ đá xây dựng tại Thôn 4, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai: Một phần diện tích là đất rừng tự nhiên, một phần diện tích nằm trong hành lang an toàn giao thông Quốc lộ 14C, không đảm bảo an toàn về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.  + SHQH 170: điểm mỏ đá xây dựng tại Thôn 8, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai: nằm trong Quy hoạch điểm dân cư số 23.  + SHQH 171A: điểm mỏ cát xây dựng tại Thôn 8, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai: nằm trong hành lang an toàn cầu Sê San 4.  - Loại khỏi quy hoạch 02 điểm mỏ đã được phê duyệt tại Quyết định 21/2016/QĐ-UBND ngày 24 /5/ 2016:  + SHQH 03: điểm mỏ đất san lấp tại thôn Kon Hra Ktu, xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum: để hạn chế thay đổi địa hình tự nhiên, ảnh hưởng đến kiến trúc cảnh quan, môi trường và việc phát triển đô thị thành phố Kon Tum trong tương lai.  + SHQH 05: điểm mỏ đất san lấp tại thôn Đăk Hưng, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum: không đảm bảo về trữ lượng để đấu giá, cấp phép khai thác đất san lấp.  - Loại khỏi quy hoạch 02 điểm mỏ đã được phê duyệt tại Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 15 /3/ 2021:  + SHQH BS07: điểm mỏ đá xây dựng tại thôn Hoà Bình, xã Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy: trùng với điểm mỏ Quarzit tảng lăn đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định công bố tại Quyết định số 799/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2021.  + SHQH BS14: điểm mỏ đất san lấp tại thôn Kon Hra Ktu, xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum: để hạn chế thay đổi địa hình tự nhiên, ảnh hưởng đến kiến trúc cảnh quan, môi trường và việc phát triển đô thị thành phố Kon Tum trong tương lai. | Thống nhất |
|  |  | - Đề nghị biên tập Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau:  “Điều 1. Sửa đổi, bổ sung tiết 2.1, 2.3 điểm 2 khoản III Điều 1 Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh Kon Tum về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 *(được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 74/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum)*  1.Sửa đổi, bổ sung tiết 2.1 như sau:  *“2.1. Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn: gồm 202 điểm; tổng diện tích đất sử dụng 4.438,2 ha, cụ thể:*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | ***TT*** | ***Loại khoáng sản*** | ***Số điểm***  ***quy hoạch*** | ***Diện tích***  ***(ha)*** | | *1* | *Đá xây dựng* | *60* | *1.088,3* | | *2* | *Cát xây dựng* | *89* | *2.748,7* | | *3* | *Đất làm VLXDTT* | *32* | *293,9* | | *4* | *Sét gạch ngói* | *18* | *281,4* | | *5* | *Than bùn* | *3* | *25,9* | |  | ***Tổng cộng*** | ***202*** | ***4.438,2*** |   *(chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)”*  2. Sửa đổi, bổ sung tiết 2.3 như sau:  *“2.3. Khoáng sản phân tán nhỏ lẻ được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, công bố:**gồm 05 điểm**(03 điểm Quarzit; 01 điểm Serpentin; 01 điểm vàng gốc); tổng diện tích 49,87 ha (chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).”*“ | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tiếp thu và chỉnh sửa lại dự thảo Nghị quyết. | Thống nhất |
|  |  | - Đề nghị bổ sung văn bản của các Bộ, ngành liên quan về hồ sơ quy hoạch theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Khoáng sản([[38]](#footnote-38)). | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã bổ sung văn bản tham gia ý kiến của Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường.  Đến nay đã hết thời hạn nhưng Bộ Công Thương chưa có văn bản trả lời, do đó UBND tỉnh đủ điều kiện trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. | Thống nhất |
|  |  | - Biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo quy định | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 tại tỉnh Kon Tum** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung sau:  - Tại phần căn cứ đề nghị biên tập lại, thay thế cụm từ *“Căn cứ”* thành *“Thực hiện”* tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.  - Tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị biên tập như sau:  “1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum quy định tạiQuyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 *(sau đây gọi là Chương trình 1322).*  2. Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình 1322”.  - Các nội dung chi tại điểm a, b, c Khoản 1; Khoản 2 Điều 2; Khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết đề nghị biên tập lại và dẫn chiếu trực tiếp các Nghị định, Thông tư qui định các mức chi và bỏ cụm từ *“mức chi tối đa …%”*.  - Tại Khoản 1 Điều 3 đề nghị biên tập lại như sau:*” Thực hiện theo quy định tại Thông tư 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp”*.  - Đề nghị bỏ các nội dung trong dự thảo Nghị quyết, cụ thể: tại Khoản 3 Điều 2 *(nội dung này mang tính chất hướng dẫn)*; Khoản 3 Điều 4 *(nội dung này đã giao cho Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ, thủ trưởng đơn vị thực hiện trong dự toán được giao)* và Khoản 1 Điều 6 *(nội dung này liên quan đến nội dung chi).*  - Đối với các nhiệm vụ chi có mức chi căn cứ theo quy định tại Thông tư liên tịch số [55/2015/TTLT-BTC-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-lien-tich-55-2015-ttlt-btc-bkhcn-dinh-muc-du-toan-kinh-phi-khoa-hoc-cong-nghe-273180.aspx) ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ *(tại Khoản 2 Điều 4; Khoản 1 Điều 5 và Khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết)*, đề nghị biên tập lại như sau: *“Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ* ***bằng 80%*** *theo quy định tại Thông tư liên tịch số*[*55/2015/TTLT-BTC-BKHCN*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-lien-tich-55-2015-ttlt-btc-bkhcn-dinh-muc-du-toan-kinh-phi-khoa-hoc-cong-nghe-273180.aspx)*ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước”.*  - Đối với các khoản chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng *(tiền điện, nước, thông tin liên lạc)* tại Khoản 3 điều 5 đề nghị biên tập như sau: *“Chi thực tế theo hóa đơn, chứng từ theo quy định trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.”*  - Tại Khoản 4 Điều 5 đề nghị biên tập như sau *“Thực hiện mức chi theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước; Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số Điều Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND”.*  - Điều chỉnh, gộp Điều 7 và Điều 8 dự thảo nghị quyết và biên tập như sau:  “**Điều 7. Tổ chức thực hiện**  1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.  2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.  3. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.  Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2021./.”  - Đề nghị rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo quy định. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung sau:  - Phần căn cứ ban hành Nghị quyết, đề nghị bổ sung: *“Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;”*  - Tại Khoản 1 Điều 2 thảo Nghị quyết, đề nghị biên tập như sau: *“Thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu, chứng từ, hóa đơn, các quy định về chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin”.*  - Các mức chi tại Khoản 3, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 14 Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị biên tập như sau: *“Thực hiện mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số Điều Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.”*.  - Các mức chi tại điểm a, b, c, d Khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đề nghị biên tập lại và dẫn chiếu trực tiếp các Thông tư theo quy định các mức chi *(Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính([[39]](#footnote-39)))*.  - Tại Khoản 6 Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị biên tập như sau:***“6. Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên:*** *Tổng mức chi tiền công* ***2.000.000 đồng/buổi*** *(một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học), được tính cho tất cả các thành viên trực tiếp tham gia hướng dẫn, giảng dạy trong 1 buổi tập huấn, bồi dưỡng. Áp dụng cho nhóm đối tượng, nội dung chi tiết quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính”.*  - Tại Khoản 15 Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị biên tập như sau: *“****15.******Chi hỗ trợ*** *một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian tập huấn, bồi dưỡng tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại cho học viên từ cơ quan đến nơi tập huấn, bồi dưỡng (một lượt đi và về); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong thời gian tập huấn, bồi dưỡng tập trung tại cơ sở tập huấn, bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở tập huấn, bồi dưỡng và đơn vị tổ chức tập huấn, bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ). Căn cứ địa điểm tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng và khả năng ngân sách, Sở Giáo dục và Đào tạo (cơ quan cử học viên của các địa phương tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục cốt cán), các cơ sở giáo dục (cơ quan cử học viên tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục) sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ cho giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được cử đi tập huấn, bồi dưỡng các khoản chi phí nêu trên đảm bảo nguyên tắc: Các khoản chi hỗ trợ này phù hợp với mức chi quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị”.*  - Biên tập Khoản 12 Điều 2 dự thảo Nghị quyết như sau: *“Căn cứ khả năng nguồn kinh phí, căn cứ số lượng học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc của từng lớp tập huấn, bồi dưỡng, cơ sở tổ chức tập huấn, bồi dưỡng được quyết định chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc theo mức 200.000 đồng/học viên”.*  - Đối với các khoản chi phí thực tế, đề nghị biên tập thống nhất như sau: *“Chi thực tế theo hóa đơn, chứng từ theo quy định trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.”*  - Đề nghị rà soát bổ sung đầy đủ các văn bản dẫn chiếu liên quan đến các mức chi theo quy định, đảm bảo dễ tra cứu, dễ thực hiện.  - Điều chỉnh Khoản 17 Điều 2 sang Điều 3 dự thảo Nghị quyết và biên tập Điều 3 dự thảo Nghị quyết như sau:  “**Điều 3. Tổ chức thực hiện**  1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.  2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.  3. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.  Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2021./.”  - Đề nghị rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo quy định. | Thống nhất |
|  |  | - Báo cáo làm rõ cơ sở bổ sung nội dung và mức chi tại Khoản 16 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, nội dung chi này không được quy định ở Thông tư số 83/2021/TT-BTC. | Về nội dung chi cho công tác quản lý lớp học căn cứ điểm n Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 83/2021/TT-BTC; Về mức chi: chi theo thực tế quy định tại điểm e khoản 13 Điều 5 Thông tư số 83/2021/TT-BTC.  Tiếp thu ý kiến thẩm tra, bỏ Khoản 16 Điều 2 dự thảo Nghị quyết vì mức chi cho nội dung này đã được quy định tại điểm e Khoản 13 Điều 2 dự thảo Nghị quyết. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung sau:  - Báo cáo làm rõ cơ sở đề xuất tăng các mức chi tặng quà, hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách trên địa bàn tỉnh Kon Tum. | - Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 1294-CV/VPTU ngày 29/6/2021 về giao BCSĐ UBND tỉnh nghiên cứu tăng mức hỗ trợ quà tặng cho đối tượng người có công tiêu biểu nhân ngày Thương binh Liệt sĩ 27-7[[40]](#footnote-40). UBND tỉnh đã giao Sở Lao động Thương binh Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh theo chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Văn bản nêu trên. Theo đó, để đảm bảo phù hợp mục tiêu thăm hỏi, ý nghĩa động viên, tri ân của Tỉnh đối với người có công cách mạng tiêu biểu và đối tượng được thăm hỏi, biểu dương; cơ quan chủ trì đã phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, nghiên cứu đề xuất nâng mức chi tặng quà cho người có công tiêu biểu nhân ngày Thương binh liệt sĩ Ngày 27 tháng 7 và Tết Nguyên đán, tăng từ 500.000 đồng/suất quà lên 1.500.000 đồng/suất quà và nâng mức hỗ trợ thăm hỏi, động viên, biểu dương đối với hộ dân tộc thiểu số tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán hằng năm, tăng từ 500.000 đồng/hộ/năm lên 1.000.000 đồng/hộ/năm.  Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh[[41]](#footnote-41), UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính tổng hợp, xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh và gửi lấy ý kiến rộng rãi các đơn vị, địa phương và tổng hợp lấy ý kiến các thành viên UBND tỉnh thống nhất sửa đổi mức tặng quà, hỗ trợ các đối tượng theo dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung nêu trên. | Thống nhất |
|  |  | - Điều chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết, biên tập như sau: **“Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.**  - Đề nghị rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | Về điều chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết và rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh tiếp thu chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết của HĐND quy định về mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết tại Tờ trình số 203/TTr-UBND ngày 15/11/2021. Ban đề nghị UBND tỉnh tiếp thu, giải trình làm rõ một số nội dung sau:  - Tại gạch (-) đầu dòng thứ 2 điểm a) Khoản 3, Khoản 4, điểm b) khoản 6 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đề nghị biên tập thống nhất văn bản dẫn chiếu Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017, như sau: “Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số Điều Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.”  - Chỉ đạo các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện chủ động tăng cường tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định; Chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện chủ động bố trí dự toán kinh phí hàng năm để thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tranh thủ huy động nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án, đề án có liên quan. | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã rà soát cácNghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND để dẫn chiếu đầy đủ trong nội dung dự thảo Nghị quyết theo quy định khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154//2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.  - Để cụ thể hóa nội dung hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp vừa và nhỏ trong Đề án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 phê duyệt Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Đề án ban hành kèm theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh đã xác định cụ thể nguồn kinh phí, mức phân bổ kinh phí hàng năm của giai đoạn 2021-2025 phục vụ công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2025** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 207/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:   1. Về dự thảo Nghị quyết:   Tại Kỳ họp thứ 12, HĐND tỉnh Khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 29/4/2021, trong đó quy định kéo dài thời gian thực hiện **đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021** đối với Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Ban hành quy định phân cấp ngân sách Nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020 và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung. Đề nghị xác định hiệu lực của văn bản ban hành mới.   1. Tại Điều 3 dự thảo Quy định   - Tại Khoản 5, xem xét bổ sung thêm nhiệm vụ chi liên quan đến ứng dụng và chuyển giao công nghệ *(quy định tại điểm c Điều 17 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP).*  - Rà soát, biên tập các nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước 2015 và các văn bản hướng dẫn.   1. Tại Khoản 5 Điều 4 dự thảo Quy định   - Biên tập thống nhất và đồng bộ cụm từ “ngân sách cấp xã”. Vì tại khoản 3 Điều 3 đã quy định viết tắt ngân sách cấp xã gồm ngân sách xã, phường, thị trấn, tuy nhiên, việc biên tập cụm từ “ngân sách cấp xã” ở khoản 5 Điều 4 vừa được hiểu là *“các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới”* (gạch “-” đầu dòng tại khoản 2 Mục I), vừa được hiểu *“các phường, thị trấn và xã đã đạt chuẩn nông thôn mới”* (Mục II).  - Tại gạch “-” đầu dòng thứ 2 khoản 1 Mục II: “*nguồn thu tiền sử dụng đất gắn với các trụ sở làm việc cũ sau khi trừ các chi phí có liên quan phần còn lại điều tiết ngân sách cấp huyện để chi đầu tư cơ sở hạ tầng, trụ sở làm việc mới (nếu có) theo đề án, phương án được cấp tỉnh phê duyệt (phân chia ngân sách huyện 88%)”*. Đề nghị thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP qui định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.   1. Tại điểm b Khoản 6 và gạch (-) đầu dòng khoản 13 Điều 4 dự thảo Quy định: *“...Trường hợp nguồn thu ... theo đề án, phương án được cấp tỉnh phê duyệt.”*. Đề nghị thực hiện theo quy định Luật ngân sách nhà nước. 2. Tại Khoản 16 Điều 4 dự thảo Quy định   - Biên tập *“quy định tại khoản 19 của Điều này”* thành *“quy định tại khoản 18 của Điều này”*.   1. Tại Điều 8 dự thảo Quy định   - Tại Khoản 3, đề nghị bỏ từ *“gốc”* theo khoản 3 Điều 6 Thông tư số 342/2016/TT-BTC không quy định *“Chi trả gốc”*([[42]](#footnote-42)).   1. Tại điểm c Khoản 2 Điều 9 dự thảo Quy định, đề nghị biên tập *“Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên”.* 2. Rà soát, biên tập thống nhất cụm từ *“huyện, thị xã, thành phố”* thành *“cấp huyện”*.   - Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh, đồng thời biên tập một số nội dung như sau:  - Biên tập bỏ gạch “-” đầu dòng thứ 2 khoản 1 Mục II: “*nguồn thu tiền sử dụng đất gắn với các trụ sở làm việc cũ sau khi trừ các chi phí có liên quan phần còn lại điều tiết ngân sách cấp huyện để chi đầu tư cơ sở hạ tầng, trụ sở làm việc mới (nếu có) theo đề án, phương án được cấp tỉnh phê duyệt (phân chia ngân sách huyện 88%)”*  - Biên tập điểm b Khoản 6 Điều 4 như sau: “*b) Riêng nguồn thu tiền cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư do cấp tỉnh phê duyệt và trực tiếp quản lý, tổ chức đấu thầu, đấu giá: Ngân sách tỉnh hưởng 100% (trong đó, 10% để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên).”*  - Biên tập gạch (-) đầu dòng thứ nhất Khoản 13 Điều 4 như sau: “*- Nguồn thu từ việc bán tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý theo phân cấp quản lý tài sản công: Ngân sách cấp tỉnh 100%.”* | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 205/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:  **\* Về bố cục, thể thức trình bày dự thảo Nghị quyết, đề nghị:**  - Đưa nội dung Điều 2, Điều 3 dự thảo Nghị quyết vào dự thảo Quy định kèm theo.  - Đưa “Điều 13. Tiêu chí dân số” “Điều 14. Tiêu chí người thuộc hộ gia đình nghèo” tại quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết vào điều khoản Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.  - Thống nhất biên tập các điều khoản về tiêu chí, định mức phân bổ *(đối với những điều có quy định tiêu chí, định mức phân bổ)*:  “Điều ... Tiêu chí, định mức phân bổ chi .........................  1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:  *Đơn vị: đồng/người dân/năm*   |  |  | | --- | --- | | **Vùng** | **Định mức phân bổ** | | Vùng đặc biệt khó khăn | …. | | Vùng khó khăn | …. | | Vùng đô thị | …. | | Vùng khác còn lại | …. |   2. Định mức phân bổ theo tiêu chí....”  - Bố cục dự thảo Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết biên tập như sau:  *“****Chương I. Quy định chung***  ***1. Phạm vi điều chỉnh:***  ***2. Đối tượng áp dụng:***  ***Chương II. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022.***  ***Chương III. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các đơn vị dự toán khối tỉnh***  ***Chương IV. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố***  ***Chương V. Tổ chức thực hiện****”*  - Đề nghị sắp xếp các điểm, khoản trong dự thảo Nghị quyết theo thứ tự bảng chữ cái Tiếng việt. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, dự thảo Quy định cho phù hợp và đúng quy định. | Thống nhất |
|  |  | **\* Về nội dung dự thảo Nghị quyết, đề nghị:**  (1) Tại Khoản 1 Điều 2, đề nghị biên tập phạm vi điều chỉnh, như sau:  “a) Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội.  b) Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.”  (2) Đề nghị nghiên cứu, bổ sung Điều 3 nội dung sau: “Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các đơn vị dự toán khối tỉnh với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài…”.  (3) Tại Kỳ họp thứ 12, HĐND tỉnh Khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 29/4/2021, trong đó quy định kéo dài thời gian thực hiện **đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021** đối với Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017. Đề nghị xác định hiệu lực của văn bản ban hành mới. | (1) Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh biên tập lại phạm vi điều chỉnh, như sau:  “a) Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội.  b) Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.  (2) Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Khoản 4 Điều 3 như sau: “*Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra, đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách theo quy định.* ***Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài.***”  (3) Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung như sau: “Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày … tháng … năm 2021 và **có hiệu lực từ ngày ký ban hành, thực hiện từ năm ngân sách 2022**” | Thống nhất |
|  |  | **\* Về nội dung Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết:**  (1) Tại Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định, đề nghị biên tập tiêu đề, bổ sung các cơ quan khối Đảng, đoàn thể, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBDN tỉnh điều chỉnh, bổ sung Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định như sau: “*b) Đối với nhóm các Sở, ban ngành còn lại (ngoài khu Trung tâm hành chính mới),* ***các cơ quan khối Đảng, đoàn thể, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh****, định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế như sau:*”. | Thống nhất |
|  |  | (2) Tại Điều 3 dự thảo Quy định, Ban thống nhất với tỷ lệ phân bổ như đề xuất tại dự thảo, tuy nhiên đề nghị xem xét biên tập nội dung tại khoản 1 Điều 3 theo quy định Luật ngân sách nhà nước, đảm bảo chặt chẽ, rõ ràng và dễ áp dụng thực hiện. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Điều 3 dự thảo Quy định như sau:  “*Phân bổ kinh phí tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, học bổng học sinh dân tộc nội trú) chiếm tỷ lệ 80% tổng chi sự nghiệp giáo dục, tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập đảm bảo mức 20% (chưa kể chi từ nguồn thu học phí, thu sự nghiệp), đã bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, chính sách, Đề án đã được Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành áp dụng thực hiện cho giai đoạn 2021-2025 và các nhiệm vụ phát sinh theo chủ trương, quy định của cấp thẩm quyền.*  *Hàng năm, Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán sự nghiệp giáo dục đảm bảo tỷ lệ chi thường xuyên, giao tự chủ cho các cơ sở giáo dục cấp tỉnh (ngoài quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, học bổng học sinh dân tộc nội trú) là 15% (bao gồm cân đối nguồn thu sự nghiệp, thu phí được để lại đơn vị theo quy định); phần kinh phí còn lại sau khi giao dự toán theo quy định về cơ chế tự chủ cho các cơ sở giáo dục được phân bổ thực hiện cho cho các đề án, chính sách do Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành và một số nhiệm vụ khác phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập của ngành theo quy định.*  *2. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:*  *- Đảm bảo các chế độ chính sách: Chính sách phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; Chính sách hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;*  *- Các nội dung chi theo chức năng, nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác quản lý toàn ngành (bao gồm tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, chi công tác khen thưởng, đào tạo; kinh phí cho giáo viên biệt phái dạy tiếng Việt tại Lào, Campuchia; các nhiệm vụ chuyên môn triển khai theo Luật Giáo dục năm 2019; các nhiệm vụ chuyên môn khác theo chức năng quản lý ngành, lĩnh vực của các cấp học trên địa bàn tỉnh): Thực hiện trên cơ sở định mức, chế độ quy định, khối lượng công việc thực hiện và khả năng cân đối ngân sách.*  *3. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ưu tiên bố trí ngân sách địa phương cho hoạt động giảng dạy và học tập theo khả năng cân đối ngân sách.*” | Thống nhất |
|  |  | (3) Tại Điều 4 dự thảo Quy định: Đề nghị làm rõ cơ sở nào xây dựng định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo cho Trường Cao đẳng Cộng đồng theo tỷ lệ 86/14. | Nghị quyết 68/2016/NQ-HĐND không quy định định mức chi cho Trường Cao đẳng Cộng đồng; thực tế trong giai đoạn ngân sách 2017-2021, chi sự nghiệp đào tạo Trường Cao đẳng Cộng đồng được giao dự toán theo định mức/chỉ tiêu học sinh, kết hợp NSNN cấp bù chi thường xuyên khác (ngoài lương) đảm bảo đủ 17% (bao gồm cả cân đối nguồn thu sự nghiệp), tính theo tiền lương cơ sở 1,21 triệu đồng. Trong tình hình đào tạo hiện nay của Trường Cao đẳng CĐCĐ Kon Tum vẫn còn khó khăn; nguồn thu sự nghiệp của Trường hàng năm và dự báo các năm tới vẫn chưa đảm bảo chi, xem xét thực tiễn trong các năm qua và khả năng ngân sách tỉnh năm 2022, thưc hiện xây dựng định mức giao cho Trường Cao đẳng Cộng đồng theo cơ cấu quỹ lương chi khác 86/14 (theo tiền lương cơ sở 1,49 triêu đồng), tỷ lệ 14%/chi khác theo lương 1,49 triệu đồng cao hơn tỷ lệ 17% tính theo lương 1,21 tiệu đồng nhằm tạo điều kiện cho Trường duy trì hoạt động và từng bước tháo gỡ khó khăn. Theo đó, nội dung tại điểm a, Khoản 1 biên tập lại như sau: “*a)* *Phân bổ theo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) chiếm tỷ trọng 86% trên chi thường xuyên, chi khác đảm bảo mức 14%, sau khi cân đối sử dụng nguồn thu học phí, nguồn thu hoạt động sự nghiệp (sau khi trừ chi phí cho hoạt động thu).*” | Thống nhất |
|  |  | - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung phân bổ kinh phí đào tạo lưu học sinh Lào, Campuchia ở Trường Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum và Cao đẳng Cộng đồng. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách; UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Khoản 1 Điều 3 dự thảo Quy định như sau: “*3. Chi sự nghiệp đào tạo khác (****đã bao gồm kinh phí đào tạo lưu học sinh Lào, Campuchia ở Trường Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum và Cao đẳng Cộng đồng****): căn cứ nhu cầu kinh phí theo khối lượng công việc, dự toán kinh phí đơn vị lập, chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, khả năng cân đối ngân sách để phân bổ cho phù hợp.*” | Thống nhất |
|  |  | (4) Tại Điều 5 dự thảo Quy định:  - Tại điểm b Khoản 1 Điều 5, biên tập “chi phòng bệnh” thành “chi y tế dự phòng”.  + Tại điểm c Khoản 1 Điều 5, đề nghị biên tập nội dung đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước về thẩm quyền phân bổ dự toán. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 5 theo ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách.  - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung điểm c Khoản 1 Điều 5 dự thảo Quy định như sau: “*c) Định mức phân bổ tại điểm a, b đã bao gồm chi cho bộ máy hoạt động, các chế độ chính sách phụ cấp đặc thù ngành y tế và tăng kinh phí cho công tác dự phòng. Hàng năm, Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán sự nghiệp y tế theo quy định của Trung ương về cơ chế tự chủ; phần kinh phí còn lại sau khi giao dự toán theo quy định về cơ chế tự chủ được phân bổ thực hiện cho các nhiệm vụ, chính sách, đề án, tăng cường cơ sở vật chất và các nhiệm vụ cần thiết khác của ngành theo quy định.*” | Thống nhất |
|  |  | (5) Tại Điều 15 dự thảo Quy định:  - Bỏ khoản 1 “1. Tiêu chí phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường (từ 18 tuổi trở xuống) và các tiêu chí bổ sung quy định tại Khoản 3 Điều này.” Vì đã quy định tại điều khoản nguyên tắc, tiêu chí. Biên tập bổ sung tiêu đề khoản 2, cụm từ “tiêu chí”.  - Tại khoản 2 Điều 15, đề nghị xác định, biên tập nội dung phân bổ giao dự toán lĩnh vực giáo dục theo phân cấp quản lý ngân sách cho phù hợp với quy định. | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách.  - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung đoạn thứ 4 Khoản 2 Điều 15 dự thảo Quy định như sau: “*Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện phân bổ giao dự toán sự nghiệp giáo dục cấp huyện, cấp xã phù hợp với tình hình thực tế địa phương, theo cơ chế giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo tỷ lệ chi thường xuyên (ngoài quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương) không thấp hơn 15% (bao gồm cân đối nguồn thu sự nghiệp, thu phí được để lại đơn vị theo quy định); phần kinh phí còn lại phân bổ thực hiện cho các đề án, chính sách do Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành và một số nhiệm vụ khác phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập của ngành theo quy định. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện ưu tiên bố trí ngân sách cấp huyện cho hoạt động giảng dạy* | Thống nhất |
|  |  | (6) Tại Điều 16 dự thảo Quy định:  - Biên tập bỏ khoản 1 “1. Tiêu chí phân bổ theo dân số (không kể dân số từ 1 – 18 tuổi) và các tiêu chí bổ sung quy định tại Khoản 4 Điều này.”.  - Biên tập điều chỉnh khoản 2: “1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không kể dân số từ 1 – 18 tuổi):…” | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, điều chỉnh, bổ sung Điều 16 theo ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách. | Thống nhất |
|  |  | (7) Tại Điều 18 dự thảo Quy định:  - Tại Khoản 3, đề nghị biên tập rõ nội dung về “…số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, số lượng cấp Ủy viên các cấp theo quy định.” Nhằm tránh trùng lặp đối với đại biểu cấp tỉnh. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung điểm a Khoản 3 Điều 18 dự thảo Quy định như sau: “*a) Biên chế hành chính nhà nước do cấp thẩm quyền giao năm 2021; biên chế của các cơ quan Đảng, Đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội theo thông báo của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ; số lượng cán bộ công chức cấp xã, mức khoán quỹ phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân* ***cấp huyện, cấp xã*** *nhiệm kỳ 2021-2026, số lượng cấp uỷ viên* ***cấp huyện, cấp xã*** *theo qui định.*” | Thống nhất |
|  |  | (8) Tại Điều 19 dự thảo Quy định:  - Bỏ khoản 1 “1. Tiêu chí phân bổ theo dân số và các tiêu chí bổ sung quy định tại Khoản 3 Điều này.”.  - Đối với tiêu chí bổ sung, đề nghị xem xét bổ sung thêm đô thị loại II để phù hợp với thành phố Kon Tum. | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung Điều 19 theo ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách.  - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung Khoản 3 Điều 19 dự thảo Quy định như sau: “*3.* *Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Hỗ trợ chi sự nghiệp văn hóa thông tin đối với huyện, thành phố là đô thị loại* ***II****, III: 1.000 triệu đồng/huyện, huyện là đô thị loại IV: 500 triệu đồng/huyện.*” | Thống nhất |
|  |  | (9) Tại Điều 20, 21 dự thảo Quy định:  - Bỏ khoản 1, đồng thời sửa đổi tiêu đề Điều 20, 21 cho phù hợp.  “Điều 20. Tiêu chí, định mức phân bổ theo tiêu chí dân số chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn  Điều 21. Tiêu chí, định mức phân bổ theo tiêu chí dân số chi sự nghiệp thể dục thể thao” | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung Điều 20, 21 theo ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách. | Thống nhất |
|  |  | (10) Tại Điều 26 dự thảo Quy định:  - Bỏ khoản 1 “1. Tiêu chí phân bổ theo dân số và các tiêu chí bổ sung quy định tại Khoản 3 Điều này.”.  - Biên tập điểm b Khoản 3 như sau: “b) Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo quy định của Chính phủ.” | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung Điều 26 theo ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách. | Thống nhất |
|  |  |  |  | Thống nhất |
|  |  | (11) Tại Điều 27 dự thảo Quy định:  - Bỏ khoản 1 “1. Tiêu chí phân bổ theo dân số và các tiêu chí bổ sung quy định tại Khoản 3 Điều này.”.  - Tại khoản 3, biên tập hệ số bổ sung đối với thành phố Kon Tum cho phù hợp. | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung Điều 27 theo ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách.  - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung Khoản 3 Điều 27 dự thảo Quy định như sau: “2. Hệ số bổ sung đối với thành phố Kon Tum: 0,25 lần định mức phân bổ theo tiêu chí dân số.” | Thống nhất |
|  |  | Tại Điều 29 dự thảo Quy định, đề nghị biên tập tiêu đề cho phù hợp nội dung quy định.  - Đề nghị rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung Điều 30 dự thảo Quy định như sau: *“Điều 30. Đối với huyện có dân số thấp*”  - Tiếp thu và đã rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị quyết. Đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:  - Biên tập tên gọi dự thảo Nghị quyết như sau: *“Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.*  - Biên tập lại Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau:  “Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I, II ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  1. Sửa đổi, bổ sung Mục I, Phần B, Phụ lục I: Phí sử dụng công trình kế cấu hạ tầng *(đối với phương tiện ra, vào các cửa khẩu)* trong Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y.  2. Sửa đổi, bổ sung Mục III, Phần B, Phụ lục I: Phí thư viện.  3. Bổ sung Mục IX tại Phần Đ, Phụ lục I: Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường *(đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)*  4. Bổ sung tại khoản 2, Mục IV, Phần A, Phụ lục II: Lệ phí gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Kon Tum.”  *(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III, IV kèm theo Nghị quyết)”*  - Đề nghị bỏ điều 3 dự thảo Nghị quyết.  -Biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết cho phù hợp và đúng quy định. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết Danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất dự thảo Nghị quyết tại Tờ trình số 209/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021. Đề nghị UBND tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:  - Đề nghị bỏ nội dung tại *khoản 2 điều 2* của dự thảo Nghị quyết.  - Chỉ đạo tiếp tục rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan tham mưu hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo quy định. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 212/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung sau:  - Báo cáo rõ cơ sở đề xuất các mức chi tiền công, mức chi các cuộc thi tại dự thảo Nghị quyết. | Mức tăng lương cơ sở tăng từ 850.000 đồng/tháng *(thời điểm ban hành Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BGDĐT-BTC)* lên 1.490.000 đồng/tháng *(thời điểm ban hành Thông tư 69/2021/TT-BTC)*. Đồng thời, định mức chi phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên tham gia các Hội đồng thi tại Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh không quá 70% mức chi quy định tại Thông tư số 66/2021/TT-BTC, thấp hơn so với các tỉnh khác trong khu vực *(Gia Lai, Đắk Lắk,…)*. Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi dựa theo quy định tại Thông tư 69/2021/TT-BTC, áp dụng mức 3 *(chỉ áp dụng 80%)* và mức 4 của lương chuyên gia được quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Sự phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian qua. Đảm bảo sự tương đồng với các tỉnh lân cận *(phù hợp với mức chi theo Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*. Đảm bảo tính ổn định khi thực hiện Thông tư số 69/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính *(bù trượt giá, chi tiền lương theo vị trí việc làm trong thời gian sắp tới)*. | Thống nhất |
|  |  | - Tại Khoản 2 Điều 2; Khoản 2, khoản 3 Điều 3 đề nghị xác định mức chi cụ thể và biên tập lại bỏ cụm từ *“không quá”*. | UBND tỉnh tiếp thu, điều chỉnh cụm từ “*không quá*” thành từ “*bằng*”. | Thống nhất |
|  |  | - Bỏ Khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết.  - Biên tập lại và sử dụng cụm từ “**Hội đồng/Ban”** tại Phụ lục thống nhất theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC. Đồng thời, biên tập lại mục 6 Phụ lục 1 thành *“Các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban coi thi*” cho thống nhất với Thông tư 69/2021/TT-BTC, vì thông tư không dùng từ *“Điểm thi”.* | UBND tỉnh tiếp thu, đưa ra khỏi dự thảo Nghị quyết về Khoản 3 Điều 2.  UBND tỉnh tiếp thu, điều chỉnh tại Phụ lục Dự thảo, thống nhất sử dụng cụm từ “Hội đồng/Ban” thay cho cụm từ “*Điểm thi*”. | Thống nhất |
|  |  | Đề nghị bổ sung mức chi tại các mục 12.2; 12.3; 12.4; 12.5; 12.6 Phụ lục 1 và biên tập lại thành *“ 12.2. Chi soạn thảo câu hỏi thô: 70.000 đồng/câu; 12.3. Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi: 60.000 đồng/câu; 12.4. Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm: 50.000 đồng/câu; 12.5. Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi: 35.000 đồng/câu; 12.6: Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa: 10.000 đồng/câu”.* | Tiếp thu, biên tập lại Phụ lục I và Phụ lục II Dự thảo, cụ thể như sau:  - Phụ lục I: *“ 12.2. Chi soạn thảo câu hỏi thô: 70.000 đồng/câu; 12.3. Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi: 60.000 đồng/câu; 12.4. Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm: 50.000 đồng/câu; 12.5. Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi: 35.000 đồng/câu; 12.6: Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa: 10.000 đồng/câu”.*  - Mục II, Phụ lục II: *“2. Chi soạn thảo câu hỏi thô: 46.000 đồng/câu; 3. Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi: 39.000 đồng/câu; 4. Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm: 33.000 đồng/câu; 5. Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi: 23.000 đồng/câu; 6: Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa: 6.500 đồng/câu”.* | Thống nhất |
|  |  | - Khoản 13 điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC giao Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào khả năng kinh phí, vai trò thực tế của từng chức danh quy định tại khoản 4, khoản 8, điểm b, c, e khoản 9, khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư này, quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương (không quy định thêm chức danh, thành viên). Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết bổ sung thêm một số thành viên trong các Hội đồng (Ban)([[43]](#footnote-43)) là chưa phù hợp, đồng thời gộp hoặc tách thành các nhóm thành viên khác so với quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC và có mức chi khác nhau([[44]](#footnote-44)). | Tiếp thu, điều chỉnh Phụ lục I Dự thảo, cụ thể như sau:  - Nội dung chi tại theo đúng quy định tại Khoản 13 điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC (Khoản 2, 3, 7, 9 phụ lục I).  - Đưa ra khỏi Phụ lục I nội dung chi cho chức danh là **phục vụ** củaHội đồng/Ban ra đề thi; chức danh là **giám sát**, **cán bộ kỹ thuật**, **y tế**, **phục vụ** của Hội đồng (Ban) coi thi/Điểm thi; chức danh là thành viên của Hội đồng (Ban) chấm thi **trắc nghiệm**, Hội đồng (Ban) phúc khảo **trắc nghiệm**; chức danh là **Chủ tịch Hội đồng, Các Phó Chủ tịch** của Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi.  - Đưa ra khỏi Phụ lục II nội dung chi cho chức danh là **phục vụ** của Ban Tổ chức các cuộc thi, hội thi.  - Bổ sung định mức chấm bài thi theo ngày đối với cán bộ chấm thi | Thống nhất |
|  |  | - Đối với các khoản chi tiền công thanh tra trước, trong và sau thi; chi tiền công kiểm tra trước, trong và sau thi đề nghị thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị. | Tiếp thu, đưa ra khỏi Phụ lục I mức chi tiền công đối với các khoản chi tiền công thanh tra trước, trong và sau thi; chi tiền công kiểm tra trước, trong và sau thi. | Thống nhất |
|  |  | - Đề nghị biên tập Khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết và tiêu đề tại khoản 1 Mục I Phụ lục II kèm theo dự thảo Nghị quyết theo hướng ngắn gọn, bao quát, dễ thực hiện. | Tiếp thu, điều chỉnh dự thảo như sau:  - Khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết: “*Nội dung chi, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tỉnh Kon Tum, gồm: Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; Hội thi về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; Hội thi về làm và sử dụng đồ dùng, đồ chơi, học liệu số/thiết kế video; Cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật; Cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp; Hội thi các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú; Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi; Kỳ thi nghề phổ thông; Kỳ thi cấp chứng chỉ và* ***các kỳ thi khác*** *trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức (cấp tỉnh) được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.”*  - Tiêu đề tại Mục I Phụ lục II: “*Mức tiền công cho các chức danh là thành viên khi tham gia các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo do sở giáo dục và đào tạo chủ trì tổ chức (cấp tỉnh)”.*  - Tiêu đề tại Khoản 1 Mục I Phụ lục II: “*Nội dung chi và mức chi cho các cuộc thi và hội thi* “. Đồng thời, tại Khoản 2 Mục I Phụ lục II: Điều chỉnh cụm từ: “*kiểm tra cấp chứng chỉ*” thành “*thi cấp chứng chỉ*”.  - Đưa ra khỏi Phụ lục II nội dung chi cho chức danh là **phục vụ** của Ban Tổ chức các cuộc thi, hội thi. | Thống nhất |
|  |  | - Rà soát, biên tập đầy đủ các chức danh, thành viên (nhóm thành viên) thực hiện các nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông theo đúng quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế-Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. | Thống nhất |
|  |  | - Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo rà soát ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, đình chỉ thi hành các văn bản thuộc thẩm quyền quản lý không còn phù hợp sau khi được HĐND tỉnh thông qua theo quy định. | Sau khi Dự thảo Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu bãi bỏ Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 20/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh. | Thống nhất |
|  |  | - Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. | Thống nhất |
|  | **Dự thảo Nghị quyết về ban hành quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp** | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 222/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:  **\* Về dự thảo Nghị quyết:**  - Biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.  **\* Về Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết:**  (1) Đề nghị biên tập bố cục dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết bám sát bố cục Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND , đồng thời biên tập, hiệu chỉnh một số từ ngữ đảm bảo chặt chẽ, rõ ràng và dễ áp dụng thực hiện. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, dự thảo Quy định cho phù hợp và đúng quy định. | Thống nhất |
|  |  | (2) Qua nhiệm kỳ 2016-2021, Ban nhận thấy việc thực hiện Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND nhìn chung qua các năm cơ bản ổn định, các tồn tại, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị quyết số 13 đã được HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung tại các Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017, số 61/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019, số 35/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021. Vì vậy, đề nghị cần cân nhắc khi điều chỉnh các nội dung, mức chi đã được quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND và bổ sung các nội dung, mức chi phù hợp với quy định và tình hình thực tế của địa phương. Cụ thể:  - Tại Điều 4 dự thảo quy định, đề nghị:  + Tại điểm a khoản 2 bỏ nội dung *“dự kiến chương trình kỳ họp”* và *“gợi ý thảo luận”*, biên tập như sau:  *“a. Chi xây dựng bài phát biểu khai mạc, bế mạc, tổng hợp thảo luận của các Tổ, biên bản kỳ họp, thông báo kết quả kỳ họp: 350.000 đồng/văn bản.”* | - Thống nhất tại điểm a khoản 2 bỏ nội dung *“dự kiến chương trình kỳ họp”* và *“gợi ý thảo luận”* và biên tập như sau: *“a. Chi xây dựng bài phát biểu khai mạc, bế mạc, tổng hợp thảo luận của các Tổ, biên bản kỳ họp, thông báo kết quả kỳ họp”.* | Thống nhất |
|  |  | + Tại điểm c khoản 2, biên tập lại một số từ ngữ cho phù hợp, cụ thể như sau:  *“2. Chi xây dựng các báo cáo, văn bản phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh*  *c. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các tờ trình, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án,... (không phải là văn bản quy phạm pháp luật) trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh; các nội dung trình thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cho ý kiến, quyết định: 500.000 đồng/văn bản (nội dung trình).”*  + Vận dụng theo điểm a Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC và kế thừa Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND, biên tập bổ sung vào Điều 4 nội dung sau:  *“3. Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết:*  *a) Người chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/cuộc họp.*  *b) Đại biểu tham dự: 100.000 đồng/người/cuộc họp.”* | - Tại điểm c khoản 2: Thống nhất biên tập lại một số từ ngữ cho phù hợp, cụ thể như sau: “*c. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các tờ trình, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án,... (không phải là văn bản quy phạm pháp luật) trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh; các nội dung trình thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cho ý kiến, quyết định: 500.000 đồng/văn bản (nội dung trình).”*  *­*  - Thống nhất bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:  *“3. Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết:*  *a) Người chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/ cuộc họp.*  *b) Đại biểu tham dự: 100.000 đồng/người/**cuộc họp”* | Thống nhất |
|  |  | - Tại Điều 6, bổ sung đối tượng là *“các Ban của HĐND tỉnh”* vào tiêu đề đồng thời biên tập nội dung tại khoản 1 Điều 6 như sau:  *“1. Chi phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, cuộc họp của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức (theo chỉ đạo của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội) để lấy ý kiến tham gia vào các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mức chi như sau:*  *a) Người chủ trì: 150.000 đồng/người/buổi.*  *b) Đại biểu tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.”* | Thống nhất bổ sung đối tượng là *“các Ban của HĐND tỉnh”* vào tiêu đề, cụ thể:  *“1. Chi phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, cuộc họp của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức (theo chỉ đạo của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội) để lấy ý kiến tham gia vào các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mức chi như sau:*  *a) Người chủ trì: 150.000 đồng/người/buổi.*  *b) Đại biểu tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.”* | Thống nhất |
|  |  | - Tại Điều 7, đề nghị thay thế cụm từ *“dự toán thực tế”* thành *“dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt”.* | Thống nhất thay thế cụm từ *“dự toán thực tế”* thành *“dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt” để viết thành:* Do Thường trực HĐND tỉnh quyết định trên cơ sở *dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.* | Thống nhất |
|  |  | - Tại Điều 8, đề nghị bổ sung đối tượng là *“Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh”* vào tiêu đề đồng thời đưa nội dung khoản 1 Điều 3 vào Điều 8 dự thảo quy định và biên tập như sau:  **“Điều 8.** **Chi cho công tác giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**  *3. Khoán kinh phí hoạt động cho Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện hoạt động giám sát, khảo sát theo quy định: 2.000.000 đồng/đại biểu/năm.”.* | Thống nhất bổ sung đối tượng là *“Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh”* vào tiêu đề đồng thời đưa nội dung khoản 1 Điều 3 vào Điều 8, cụ thể:  **“Điều 8.** **Chi cho công tác giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**  *3. Khoán kinh phí hoạt động cho Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện hoạt động giám sát, khảo sát theo quy định: 2.000.000 đồng/đại biểu/năm.”.* | Thống nhất |
|  |  | - Tại Điều 9 dự thảo quy định:  + Đề nghị đưa khoản 2 Điều 3 vào Điều 9 dự thảo quy định và biên tập lại như sau:  *“1. Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định, thực hiện khoán chi tiếp xúc cử tri với mức chi như sau*  *a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 4.000.000 đồng/đại biểu/năm.*  *b) Công chức, người lao động phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.”*  + Bổ sung vào Điều 9 dự thảo quy định nội dung sau: *“3. Đối với mức khoán tiền xăng xe, công tác phí... cho Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: căn cứ vào dự toán kinh phí hằng năm và địa bàn vùng sâu, vùng xa, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức khoán cho từng đại biểu, từng tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh”.* | - Thống nhất đưa khoản 2 Điều 3 vào Điều 9 dự thảo quy định và biên tập lại như sau:  *“1. Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định, thực hiện khoán chi tiếp xúc cử tri với mức chi như sau*  *a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 4.000.000 đồng/đại biểu/năm.*  *b) Công chức, người lao động phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.”*  - Bổ sung vào Điều 9 dự thảo quy định nội dung sau: *“3. Đối với mức khoán tiền xăng xe, công tác phí... cho Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: căn cứ vào dự toán kinh phí hằng năm và địa bàn vùng sâu, vùng xa, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức khoán cho từng đại biểu, từng tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh”.* | Thống nhất |
|  |  | - Tại Điều 10 dự thảo quy định, đề nghị:  + Tại khoản 5, điều chỉnh bỏ đối tượng là *“công chức, người lãnh đạo Văn phòng đã nghỉ hưu”*, biên tập như sau:  *“5. Chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất đối với công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh đương nhiệm được áp dụng như các điểm* *a, b, c khoản 2 Điều này.”*  + Tại khoản 3, điều chỉnh bỏ cụm từ *“gia đình”.* | - Tại khoản 3, thống nhất bỏ cụm từ *“gia đình”* biên tập như sau: “*3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, của nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi từ trần thì được thăm viếng: 2.000.000 đồng/lần”.*  - Tại khoản 5, thống nhất bỏ đối tượng là *“công chức, người lãnh đạo Văn phòng đã nghỉ hưu”*, biên tập như sau: *“5. Chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất đối với công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh đương nhiệm được áp dụng như các điểm* *a, b, c khoản 2 Điều này.”* | Thống nhất |
|  |  | - Tại khoản 4 Điều 11 dự thảo quy định, đề nghị biên tập bổ sung như sau:  *“4. Khoán chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện việc tự in ấn tài liệu các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:*  *a) Đối với Kỳ họp thường lệ: 1.400.000 đồng/01 đại biểu/01 kỳ họp.*  *b) Đối với Kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất: 200.000 đồng/01 đại biểu/01 kỳ họp.*  *Kinh phí khoán chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tự in ấn tài liệu: Sử dụng nguồn kinh phí ngân sách cấp cho hoạt động hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.*  *Trường hợp khả năng kinh phí và điều kiện kỹ thuật không cho phép để đại biểu Hội đồng nhân dân tự in ấn tài liệu, thì Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định áp dụng mức khoán chi cho đại biểu tự in tài liệu kỳ họp cho phù hợp khả năng ngân sách của địa phương hoặc thực hiện in ấn tài liệu kỳ họp để cấp cho đại biểu”.* | Thống nhất bổ sung sau điểm b khoản 4 Điều 11 dự thảo quy định nội dung: *Kinh phí khoán chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tự in ấn tài liệu: Sử dụng nguồn kinh phí ngân sách cấp cho hoạt động hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.*  *Trường hợp khả năng kinh phí và điều kiện kỹ thuật không cho phép để đại biểu Hội đồng nhân dân tự in ấn tài liệu, thì Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định áp dụng mức khoán chi cho đại biểu tự in tài liệu kỳ họp cho phù hợp khả năng ngân sách của địa phương hoặc thực hiện in ấn tài liệu kỳ họp để cấp cho đại biểu”.* | Thống nhất |
|  |  | - Tại khoản 1 Điều 12 dự thảo quy định, xem xét bổ sung thêm đối tương *“các Ban HĐND tỉnh”.* | Thống nhất bổ sung “*các Ban HĐND tỉnh”* vào khoản 1, cụ thể: *Đoàn của Thường trực và các Ban của HĐND tỉnh tặng quà trị giá bằng tiền):* 2.000.000 đồng/đoàn | Thống nhất |
|  |  | - Tại Điều 13 dự thảo quy định, đề nghị biên tập *“mức chi cấp huyện bằng 70% cấp tỉnh; cấp xã bằng 50% cấp tỉnh”* để có cơ sở phân bổ dự toán. | Thống nhất biên tập lại như sau: *“Mức chi cho hoạt động của HĐND cấp huyện bằng 70%, cấp xã bằng 50% so với mức chi của cấp tỉnh và do ngân sách cấp huyện, cấp xã bảo đảm”*. | Thống nhất |
|  |  | - Tại Điều 4 dự thảo quy định, đề nghị:  + Trên cơ sở kết luận của Kiểm toán Nhà nước khu vực XII, điều chỉnh điểm b khoản 1 Điều 4 dự thảo Quy định.  - Tại Điều 5 dự thảo Quy định, đề nghị:  + Trên cơ sở kết luận của Kiểm toán Nhà nước khu vực XII, điều chỉnh bỏ khoản 3 Điều 5 dự thảo Quy định. | Tại văn bản số 16561/BTC-HCSN ngày 27/11/2012 của Bộ Tài chính trả lời Ban công tác đại biểu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về định mức chi tiêu của HĐND ghi: *“Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương* ***được áp dụng định mức chi tiêu*** *tài chính phục vụ hoạt động theo quy định tại Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 01 năm 2013)”.* Thực hiện Nghị quyết Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, **ngày 17/7/2021**, Văn phòng Quốc hội có văn bản số 1562/HĐ-VPQH Hướng dẫn chế độ chi tiêu phục vụ các kỳ họp Quốc hội khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026. Trong đó: **Đối với cán bộ, chuyên viên, nhân viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh phục vụ Đoàn đại biểu Quốc hội tại kỳ họp**, điểm 2.2 trang 6 về mức chi bồi dưỡng phục vụ kỳ họp Quốc hội, Hướng dẫn ghi: *“Đối với cán bộ, chuyên viên:100.000 đồng/người/buổi; Đối với nhân viên lái xe, phục vụ 75.000 đồng/người/buổi”.*  Văn phòng đề xuất mức chi cho các đối tượng nói trên được tính theo ngày, chỉ gần bằng 1/2 so với mức chi của Quốc hội. Các địa phương mà Văn phòng tham khảo *(như trình bày trong Bảng thuyết minh dự thảo)* đều thực hiện nội dung này và thực hiện cao hơn nhiều so với mức chi dự kiến của tỉnh. Mặt khác nếu bỏ nội dung và mức chi này, thì ngay trong nội bộ Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh sẽ có sự so sánh trong nội bộ.  **Về nội dung này còn có ý kiến khác nhau giữa cơ quan chủ trì soạn thảo *(Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐN tỉnh)* và Ban Kinh tế - Ngân sách, đề nghị Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐN tỉnh làm việc cụ thể với Ban Kinh tế - Ngân sách để thống nhất báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến.**  **Về quan điểm của UBND tỉnh, thống nhất với nội dung thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh**. | Thống nhất  quan điểm của UBND tỉnh |
|  |  | - Tại Điều 4 dự thảo quy định, đề nghị:  + Bổ sung vào Điều 4 nội dung sau:  *“4. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật: thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.”* | Chi phí cho công tác thẩm tra các dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được cụ thể hóa và đang được thực hiện theo Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của HĐND tỉnh về Quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Đề nghị không bổ sung nội dung này.  **Về nội dung này còn có ý kiến khác nhau giữa cơ quan chủ trì soạn thảo *(Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐN tỉnh)* và Ban Kinh tế - Ngân sách, đề nghị Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐN tỉnh làm việc cụ thể với Ban Kinh tế - Ngân sách để thống nhất báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến.**  **Về quan điểm của UBND tỉnh, thống nhất với nội dung thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh**. | Thống nhất  quan điểm của UBND tỉnh |
|  |  | - Tại Điều 5 dự thảo Quy định, đề nghị:  + Biên tập tiêu đề và khoản 1, 2 như sau:  ***“Điều 5. Chi tổ chức các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện các nội dung quy định tại Điều 66 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân”.***  *1. Chi bồi dưỡng Chủ trì: 150.000 đồng/người/buổi.*  *2. Chi bồi dưỡng thành viên dự họp: 100.000 đồng/người/buổi.”*  + Trên cơ sở kết luận của Kiểm toán Nhà nước khu vực XII, điều chỉnh bỏ khoản 3 Điều 5 dự thảo Quy định. | Nội dung quy định tại Điều 66 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân **là** **các hoạt động giám sát của Thường trực HĐND tỉnh**([[45]](#footnote-45)). Ngoài các hoạt động giám sát, Thường trực HĐND còn có các phiên họp định kỳ, đột xuất theo quy chế làm việc của HĐND, Thường trực HĐND, yêu cầu của cơ quan cấp trên.... Vì vậy, đề nghị không tiếp thu nội dung “***để thực hiện các nội dung quy định tại Điều 66 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân”***  **Về nội dung này còn có ý kiến khác nhau giữa cơ quan chủ trì soạn thảo *(Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐN tỉnh)* và Ban Kinh tế - Ngân sách, đề nghị Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐN tỉnh làm việc cụ thể với Ban Kinh tế - Ngân sách để thống nhất báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến.**  **Về quan điểm của UBND tỉnh, thống nhất với nội dung thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh**. | Thống nhất  quan điểm của UBND tỉnh |
|  |  | - Tại Điều 5 dự thảo Quy định, đề nghị:  + Tại khoản 4, biên tập như sau:  *“4. Chi soạn thảo các văn bản phục vụ các phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh: 500.000 đồng/văn bản”* | Khoản 4 Điều 10, Nghị quyết 524/2012/NQ-UBTVQH13 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về chi xây dựng báo cáo, tờ trình của Đảng đoàn Quốc hội; báo cáo của Ủy ban thường vụ Quốc hội; báo cáo định kỳ trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, mức chi được quy định như sau: *“Báo cáo của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội: mức chi từ* ***1.800.000 đồng đến 3.000.000 đồn****g/báo cáo”.*  Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị giảm mức chi từ 800.000 xuống 500.000 đồng/văn bản *(giảm 300.000 so với dự thảo)* nhưng không nêu ra cơ sở, lý do giảm mức chi.Thực hiện văn bản số 16561/BTC-HCSN ngày 27/11/2012 của Bộ Tài chính, đối chiếu với quy định nêu trên của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thamkhảo mức chi của các tỉnh và khả năng ngân sách của tỉnh nhà, UBND tỉnh thấy rằng mức chi 800.000đồng/văn bản là phù hợp.Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.  **Về nội dung này còn có ý kiến khác nhau giữa cơ quan chủ trì soạn thảo *(Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐN tỉnh)* và Ban Kinh tế - Ngân sách, đề nghị Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐN tỉnh làm việc cụ thể với Ban Kinh tế - Ngân sách để thống nhất báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến.**  **Về quan điểm của UBND tỉnh, thống nhất với nội dung thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh**. | Thống nhất  quan điểm của UBND tỉnh |

1. () Theo Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 ban hành kèm theo Quyết định số 2276/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thủ tưởng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-1)
2. () Tại điều 30 Luật Kế toán 2015 quy định: “*Việc lập báo cáo tài chính nhà nước được thực hiện như sau:*

   *3. a) Bộ Tài chính chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc, trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội; chỉ đạo Kho bạc Nhà nước chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính lập báo cáo tài chính thuộc phạm vi địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp;*

   *4. Báo cáo tài chính nhà nước được lập và trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân cùng với thời điểm quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước...”* [↑](#footnote-ref-2)
3. () Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước; Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn Báo cáo tài chính Nhà nước. [↑](#footnote-ref-3)
4. Nội dung này Ban Kinh tế-Ngân sách cũng đã chỉ ra trong Báo cáo thẩm tra tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2020 và kế hoạch tài chính năm 2021 các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. [↑](#footnote-ref-4)
5. Dự án trường mầm non Chim Én, khoảng 13 tỷ đồng; Dự án cấp nước Đăk Tô, khoảng 20 tỷ đồng; Dự án cấp nước Thành phố, khoảng 27 tỷ đồng; Dự án di dời bến xe phía Bắc Kon Tum, khoảng 8 tỷ đồng,... [↑](#footnote-ref-5)
6. Qua Báo cáo kết quả kiểm toán NSNN năm 2020 và qua khảo sát tình hình thực hiện Nghị quyết 67, 68/2016/NQ-HĐND Tỉnh, nhận thấy có một số huyện đã giữ lại một phần kinh phí chi thường xuyên, chi khác... để chi sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm tập trung, thực hiện nhiệm vụ chung ngành giáo dục,...không thực hiện giao đủ, đúng định mức mà HĐND Tỉnh đã giao. [↑](#footnote-ref-6)
7. Trong đó, dự toán tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao 813.000 triệu đồng [↑](#footnote-ref-7)
8. Theo Văn bản số 122/KTNN-TH ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XII [↑](#footnote-ref-8)
9. () Dự kiến đến cuối năm một số chỉ tiêu sẽ không đạt kế hoạch như: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn không đạt kế hoạch; Thành lập mới 292 doanh nghiệp, đạt 76,8% kế hoạch; Diện tích Sâm Ngọc Linh trồng mới 333,5 ha, đạt 66,7% kế hoạch; Diện tích các cây dược liệu khác trồng mới 1.306 ha, đạt 65,3% kế hoạch; thu hút 311.000 lượt khách du lịch, đạt 20,7% kế hoạch; 14,5% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông chuyển sang học nghề, đạt 48,3% kế hoạch; tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất ở 96,08%, đạt 97,5% kế hoạch... [↑](#footnote-ref-9)
10. () Tỷ lệ giải ngân chung: 53,14%, trong đó: NSĐP: 47,37%; NSTW: 56,23%, trong đó vốn ODA: 24,92%. [↑](#footnote-ref-10)
11. () Dự án Cầu qua sông Đăk Bla (từ xã Vinh Quang đi phường Nguyễn Trãi, Thành phố Kon Tum - Cầu số 3); dự án Đường Nguyễn Hữu Cầu nối dài (đoạn Trần Nhân Tông - Trường Chinh); dự án Đường dẫn vào cầu số 01 qua sông Đăk Bla gắn với chỉnh trang đô thị. [↑](#footnote-ref-11)
12. () Một số dự án: Đường và cầu từ tỉnh lộ 671 đi Quốc lộ 14; Cầu qua sông Đăk Bla (từ xã Vinh Quang đi phường Nguyễn Trãi, Thành phố Kon Tum - Cầu số 3); Đối ứng dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen; Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Sao Mai, tỉnh Kon Tum (giai đoạn 1); Trưng bày bảo tàng ngoài trời;… [↑](#footnote-ref-12)
13. () Qua kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh về Đề án đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-13)
14. () (1) Dịch bệnh Lở mồm long móng: Xảy ra trên 364 con trâu, bò tại 10 ổ dịch trên địa bàn 03 huyện, đã chăm sóc khỏi triệu chứng lâm sàng cho 353 con trâu, bò, tiêu hủy 11 bê, nghé với tổng trọng lượng 530kg; hiện nay, trên địa bàn tỉnh an toàn với dịch bệnh LMLM.(2)Dịch bệnh Dịch tả lợn Châu phi: Phát sinh và tiêu hủy 655 con lợn mắc bệnh/tổng trọng lượng tiêu hủy 24.376 kg tại 17 xã, phường của 07 huyện, thành phố. (3) Dịch bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò: Có 3.611 con trâu, bò *(3.608 bò, 03 trâu)* mắc bệnh tại 2.101 hộ*/*348 thôn/78 xã*/*9 huyện thành phố; đã tiêu hủy và chết 258 con bò/37.207 kg; đã chăm sóc khỏi triệu chứng cho 3.353 con. Hiện nay đã có 76/78 xã và 08 huyện, thành phố đã qua 21 ngày; còn 02/78 xã với tại huyện Tu Mơ Rông đã kiểm soát và khống chế dịch nhưng chưa qua 21 ngày. [↑](#footnote-ref-14)
15. ()Bệnh khảm lá virus phát sinh gây hại trên 699,12 ha sắn, đã nhổ, tiêu hủy, thu hoạch 441,85 ha, phun thuốc phòng trừ trên 609,32 ha; cây lâm nghiệp phát sinh Ong ăn lá rải rác tại huyện Sa Thầy, Đăk Tô, Tu Mơ Rông… [↑](#footnote-ref-15)
16. () Qua công tác giám sát, có mộtsố xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tuy nhiên không giữ vững một số tiêu chí (nhất là các tiêu chí “mềm”); bên cạnh đó, sau khi Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào và miền núi giai đoạn 2021-2025 có hiệu lực, theo đó, tỷ lệ người dân tộc thiểu số ở các xã trước đây là khu vực II, khu vực III nay là khu vực I không còn được hưởng các chế độ chính sách hỗ trợ từ nhà nước trong việc mua thẻ bảo hiểm y tế, chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn *(theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP)*. [↑](#footnote-ref-16)
17. () Huyện Ngọc Hồi và Sa Thầy. [↑](#footnote-ref-17)
18. () Thực trạng một số hộ dân tộc thiểu số được hỗ trợ phát triển sản xuất (hỗ trợ giống bò cái lai sinh sản), đã tự ý bán lấy tiền sử dụng vào các mục đích khác, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi. [↑](#footnote-ref-18)
19. () Tổng lượt khách du lịch 310.000/1.500.000 lượt, ước đạt 20,7% kế hoạch, không có khách quốc tế. [↑](#footnote-ref-19)
20. () Trong 10 tháng đầu năm 2021, xử lý 353 vụ phạm tội về trật tự xã hội *(tăng 48 vụ so với cùng kỳ năm 2020)* (Không tính số vụ phạm tội và vi phạm pháp luật về cờ bạc: 33 vụ), trong đó nổi lên là tội phạm trộm cắp tài sản tăng 08 vụ… Phát hiện 128 vụ, 264 đối tượng (tăng 33 vụ, 54 đối tượng so với cùng kì năm 2020). [↑](#footnote-ref-20)
21. () Nghị quyết số 06-NQ/ĐH ngày 30/9/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025. [↑](#footnote-ref-21)
22. () Tại phụ lục 03 kèm theo Báo cáo, theo tính toán của cơ quan chuyên môn để trồng 01 ha Sâm dây chi phí khoảng 300 triệu đồng; đây là mức đầu tư quá lớn đối người dân. Đầu tư 01 ha Sâm Ngọc linh (10.000 cây/ha) chi phí giống lên tới 03 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-22)
23. Mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI là đến năm 2025, diện tích Sâm Ngọc Linh đạt 4.500 ha, cây dược liệu khác đạt 10.000 ha, trồng mới rừng 15.000 ha, ... Dự kiến đến cuối năm 2021, kết quả thực hiện trên như sau: trồng mới Sâm Ngọc Linh đạt 333,5ha nâng diện tích Sâm Ngọc linh lên 1.241 ha; trồng mới cây dược liệu 1.306 ha, nâng tổng diện tích cây dược liệu lên 2.664 ha; trồng mới rừng 3.955 ha. [↑](#footnote-ref-23)
24. Tập trung giám sát, kiểm tra các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực như: Quản lý đất đai, quy hoạch, trật tự xây dựng, tài nguyên khoáng sản, quản lý tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản công… [↑](#footnote-ref-24)
25. () (1)Không đạt (8%);(2)trung bình (25%); (3)tối thiểu (8%); (4) tối đa (58%) *(Tổng số tiêu chuẩn là 59*, *được chia làm 03 nhóm như sau: (1) Nhóm tiêu chuẩn đã đạt, vượt mức tối đa của tiêu chuẩn quy định: 34 tiêu chuẩn; (2) Nhóm tiêu chuẩn chưa đạt được điểm tối đa: 20 tiêu chuẩn; (3) Nhóm tiêu chuẩn chưa đạt (0 điểm): 05 tiêu chuẩn;*); Tổng tiêu chí đánh giá đạt 100 điểm, có 04 mức (K đạt, trung bình, tối thiểu, tối đa), từng mức chia cho tổng số tiêu chí ra tỷ lệ. Không đạt 5/59=8%, Trung bình 15/59 = 25%;... [↑](#footnote-ref-25)
26. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tận dụng tối đa nguồn lực hỗ trợ từ tỉnh, phát huy tiềm năng du lịch ở Kon Plong; thu hút nhà đầu tư cần chọn lọc những doanh nghiệp có năng lực; có chính sách hỗ trợ phù hợp, ưu tiên các vị trí đất đai thuận lợi; tăng cường tiếp thị quảng bá tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư hiệu quả, nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao, nhất là tại huyện Kon Plông. Đối với thành phố Kon Tum, cần có giải pháp nuôi dưỡng các nguồn thu, phát triển vùng nguyên liệu bền vững, đào tạo nguồn nhân lực; bên cạnh đó, địa phương cần quan tâm hơn về công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị... [↑](#footnote-ref-26)
27. NSNN: 8.780,162 tỷ đồng (11,3%) (NSTW: 3.294,922 tỷ đồng (37,53%/NSNN); NSĐP: 5.485,240 tỷ đồng (62,47%/NSNN); Khu vực tư nhân 68.244,8 tỷ đồng (88,83%) [↑](#footnote-ref-27)
28. Công văn số 5846-CV/TU ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Thường trực Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, khai thác các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-28)
29. () Dự án Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Kon Tum và Dự án Chuyển đổi, triển khai hệ thống mạng, bảo mật internet IPv6 và hệ thống phân giải tên miền DNSSEC tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-29)
30. () Dự án Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Kon Tum và Dự án Chuyển đổi, triển khai hệ thống mạng, bảo mật internet IPv6 và hệ thống phân giải tên miền DNSSEC tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-30)
31. () Báo cáo số 223/BC-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-31)
32. () **Điều 45. Thẩm quyền quyết định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (Điều này được sửa đổi bởi Khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018)**

    2. Thẩm quyền quyết định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất:

    c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

    Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật này trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. [↑](#footnote-ref-32)
33. () **Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (Điều này được sửa đổi bởi Khoản 5 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP) quy định:**

    “6. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện:

    đ) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” [↑](#footnote-ref-33)
34. () **Khoản 6 Điều 46 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 quy định về lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện**

    “6. Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án có sử dụng đất theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch.

    Đối với các công trình, dự án theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.” [↑](#footnote-ref-34)
35. Điểm mỏ cát xây dựng thuộc Thôn Kon Jo Drei I - Kon Mơ Nay Ktu, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum (182); Điểm mỏ đất san lấp (68) trước đây thuộc Khối 1, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô [↑](#footnote-ref-35)
36. () Gồm: 05 mỏ đá xây dựng; 03 mỏ đất san lấp; 01 mỏ Cát xây dựng. [↑](#footnote-ref-36)
37. () Gồm: 12 mỏ đất san lấp (Đất làm VLXDTT); 02 mỏ Quarzit tảng lăn; 01 mỏ Vàng gốc. [↑](#footnote-ref-37)
38. **Điều 12. Lấy ý kiến góp ý và công bố quy hoạch khoáng sản**

    2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan chủ trì lập quy hoạch, cơ quan được lấy ý kiến quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về hồ sơ quy hoạch. Nếu quá thời hạn trên mà cơ quan được lấy ý kiến không trả lời bằng văn bản, thì cơ quan chủ trì lập quy hoạch sẽ trình Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét phê duyệt hoặc thông qua quy hoạch. [↑](#footnote-ref-38)
39. () Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước; Thông tư 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình và Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. [↑](#footnote-ref-39)
40. Nâng mức hỗ trợ từ 500.000 đồng/suất quà lên 1.200.000 đồng/suất quà *(Gồm: Quà trị giá 200.000 đồng và tiền mặt: 1.000.000 đồng)* [↑](#footnote-ref-40)
41. kinh phí tăng thêm là 460 triệu đồng, đảm bảo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh [↑](#footnote-ref-41)
42. “**Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương**

    3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay” [↑](#footnote-ref-42)
43. () Chức danh là thành viên Hội đồng (Ban) ra đề thi là **phục vụ**; chức danh là thành viên của Hội đồng (Ban) coi thi/Điểm thi gồm **giám sát**, **cán bộ kỹ thuật**, **y tế**, **phục vụ**; chức danh là thành viên của Hội đồng (Ban) chấm thi **trắc nghiệm**, Hội đồng (Ban) phúc khảo **trắc nghiệm**... [↑](#footnote-ref-43)
44. () Khoản 2, 3, 7 phụ lục 1. [↑](#footnote-ref-44)
45. Gồm: (1). Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp. (2). Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 của Luật này trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân. (3). Giám sát chuyên đề. (4). Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.(5). Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. [↑](#footnote-ref-45)